

LỄ TANG

Những Điều Cần Biết Dành Cho Người Việt

GS Trần Văn Chi biên soạn

I - Quan Niệm Về Cái Chết Đối Với Người Việt Nam

Từ xa xưa người Việt Nam sống với tâm thức: Con người ta sanh ra, lớn lên, dựng vợ gả chồng, sinh con đẻ cái, tạo lập công danh sự nghiệp... cuối cùng cũng theo quy luật sinh lão bệnh tử. Do xem và chấp nhận cái chết là quy luật nên người Việt Nam đón nhận cái chết trong tinh thần chủ động thư thái như sắp trước quan tài (gọi là Thọ), xây dựng sanh phần (gọi là Kim tỉnh) cho chính bản thân khi còn sống.



Nhân sanh quan người Việt xưa nay cũng cho là "sống ở, thác về", xem cuộc sống trên mặt đất chỉ là cội trọ tạm bợ, và chết không phải là hết, mà về cội vĩnh cửu. Do vậy "người chết cần được mồ yên mả đẹp", việc "động mồ động mả" rất kiêng cử ví có thể ảnh hưởng đến sự nghiệp của con cháu nhiều đời.

Người Việt còn sống theo đạo lý: "nghĩa tử là nghĩa tận", tức là bao nhiêu hờn oán đều xóa bỏ khi đối tượng đã chết, vì chết là dứt nợ trần gian. Không ai truy cứu người chết bao giờ.

Trong dân gian tới nay ngay vẫn còn một bộ phận lớn người tin vào linh hồn, cho rằng người chết rồi thì linh hồn sẽ sống ở cõi âm, nơi đó linh hồn cũng sinh hoạt như ở dương thế.

*Sống làm vợ khắp người ta
Khéo thay thác xuống làm ma không chồng*
Truyện Kiều - Nguyễn Du

Dẫu quan niệm cái chết thế nào thì tang lễ là một hình thức bày tỏ lòng nhớ ơn và thương xót của người sống đối với người chết.

Người Việt quan niệm lễ tang là một phần của đạo hiếu mà con cháu dành cho ông bà cha mẹ khi quá cố. Do vậy qua các triều đại thời phong kiến nhà vua cho soạn nghi thức lễ tang thành những quy điều, dạy bá tánh phải tuân theo.

*Con người có tổ có tông
Như cây có cội như sông có nguồn*
Ca dao

Tục lệ về tang ma của người Việt xưa chịu ảnh hưởng người Tàu, nhưng vẫn giữ được nét đặc thù văn hóa Việt Nam. Thọ Mai Gia Lễ là bộ sách nói về lễ tang của Việt Nam dựa vào sách Chu Công Gia Lễ của Trung Hoa. Tác giả Thọ Mai tên thật là Hồ Sĩ Tân (1690-1760) thời vua Lê chúa Trịnh, người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đậu Tiến sĩ năm 1721.

Việc tang ma của Việt Nam xưa nay dựa vào sách Thọ Mai Gia Lễ. Với triều đình, nhà quý phái thì lễ tang có vô số những nghi lễ nhiều khế, rườm rà, phức tạp, tốn kém. Thí dụ khi vua băng hà, các quan, các hoàng thân, các bà nội cung luân phiên dâng lễ tế, các cuộc vui chơi, hội hè, cưới gả trong nước bị cấm, từ quan lại đến cung đình đều phải để tang từ ba tháng 10 ngày đến ba năm, Bộ Lễ lo việc tang lễ, Khâm Thiên Giám lo chọn ngày giờ hành lễ, thi hài nhà vua được chôn theo với vô số vàng bạc châu báu, lăng tẩm được xây dựng nguy nga tráng lệ, có khi phải mất từ vài ba chục năm về trước lúc nhà vua vừa mới lên ngôi, hao tổn không biết bao nhiêu tiền bạc và có cả xương máu nữa.

Lễ tang xuống đến làng xã, người bình dân tổ chức đơn giản, chú trọng ở lòng thành nói lên cách ăn ở đối xử sao cho phải đạo làm người, nói lên lòng hiếu thảo của người sống đối với người chết.

Quy tắc về tang chế lâu dần trở thành phong tục tốt và mang ý nghĩa thiêng liêng, được mọi người Việt công nhận không phân biệt tôn giáo, địa vị tầng lớp giàu nghèo trong xã hội.

Xuất phát từ việc xem trọng người chết nên người Việt Nam kính trọng người lớn tuổi như câu châm ngôn “Kính lão đắc thọ”, có ý khuyên chúng ta nên kính trọng người lớn tuổi hơn mình, thì sau này chúng ta mới được sống lâu. Người già vì thế được con cháu chăm sóc; được làng xóm xã hội nể trọng, lâu ngày trở thành truyền thống văn hóa của Việt Nam. Truyền thống kính lão được người Việt Nam giữ gìn và phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Khi ông bà, cha mẹ đến 60, 70, 80 tuổi thường được con cháu làm lễ mừng thọ. Đó không chỉ là dịp vui mừng trong gia đình, mà còn là niềm vui chung của dòng họ, làng xóm.

Trong lịch sử Việt Nam, có nhiều câu chuyện nói lên truyền thống trọng lão được truyền tụng tới nay. Như thời nhà Trần quy định lệ lên lão là từ tuổi 60 trở lên, được miễn tất cả sưu sai tạp dịch. Như vua Trần Nhân Tông đã mời các bô lão đến dự Hội nghị Diên Hồng để hỏi ý kiến nên đánh hay nên hoà với quân Nguyên Mông.

Kính lão còn là một biểu hiện sự tin tưởng vào sự sáng suốt, kinh nghiệm. lịch lãm ở người cao tuổi đối với thế hệ trẻ.

II - Những Điều Liên Quan Đến Người Chết

1 - Phúng và Điếu xưa nay hiểu khác nhau.

Thoạt kỳ thủy:

-Phúng là đem lễ vật tới cúng người chết.

-Điếu là Viếng thăm tang chủ để tỏ lòng thương xót người chết.

Lễ vật xưa được hiểu gồm có nhang, đèn, hoa, quả bánh trái và tiền bạc để giúp tang chủ phụ lo cho đám tang trong tinh thần tương thân gia tộc, xóm làng.

Càng sau này hai chữ Phúng Điếu được hiểu chỉ là Tiền Bạc mà thôi. Do vậy nay trong cáo phó đăng trên báo người ta thường kèm theo câu “Xin Miễn Phúng Điếu” có nghĩa là tang chủ không nhận tiền

cúng. Hiểu như vậy nên hiện tại trong đám tang dầu tang chủ ghi Miễn Phúng Điếu nhưng người đến viếng vẫn mang hoa, nhang đèn, trái cây, bánh trái gọi lễ vật để cúng tế người chết.

Đối với nhà Nho ngày xưa thì lễ phúng điếu thường là trầu cau trà rượu, hoặc những bức trướng, những đôi câu đối, ca ngợi những đức hay tính tốt, công trạng của người chết.

Ngày nay ở thôn quê, người trong làng xã miền Nam vẫn còn dùng tiền để phúng viếng, như cách trực tiếp giúp đỡ thiết thực tang chủ trong lúc cần thiết nói lên tinh thần tương trợ. Và ít có gia đình nào từ chối việc phúng điếu bằng tiền khi có người thân qua đời. Họ nghĩ rất đơn giản rằng, hôm nay mình nhận của người ta, thì mai kia con cháu mình sẽ mang trả lại.

Tại các thành phố lớn người ta bắt chước văn hoá của người phương Tây bằng cách dùng những vòng hoa tươi hoặc hoa cườm, tấm vải, câu đối để phúng điếu người chết.

Người Việt hải ngoại có đời sống khá giả hơn, ai cũng có mua bảo hiểm nhơn thọ, tối thiểu đủ chi trả phần hậu sự, nên tất cả đám tang đều không nhận tiền cúng, để khỏi làm phiền con cháu sau này.

Nói tóm lại, miễn phúng điếu hay phúng điếu tùy thuộc vào quan niệm sống của người quá vãng, của tang quyến, tùy thuộc hoàn cảnh gia đình của tang quyến. Tục phúng điếu là mỹ tục nên giữ gìn.

2 - “Ba cha tám mẹ”.

Phân biệt “Ba cha tám mẹ” nhằm giúp người sống để tang sao cho phải đạo hiếu theo tinh thần lễ tang người xưa và đôi phần có thể áp dụng được cho ngày nay nữa.

* Ba cha theo thứ tự là:

- Cha sinh ra mình.
- Cha ghê hay gọi là kế phụ, tức là khi cha chết mẹ lấy chồng khác.
- Cha nuôi tức dưỡng phụ.

* Tám mẹ là:

- Mẹ ruột.
- Mẹ ghê: mẹ chết cha lấy vợ khác. Cũng gọi là kế mẫu.
- Từ mẫu: Mẹ chết sớm, cha sai người vợ lẽ nuôi mình.
- Dưỡng mẫu: mẹ nuôi.
- Xuất mẫu: Là mẹ sinh ra mình nhưng bị cha ruồng rẫy.
- Giá mẫu: là mẹ sinh ra mình, cha mất mẹ đi lấy chồng khác.
- Thứ mẫu: Là mẹ sinh ra mình nhưng là vợ lẽ của cha.
- Nhũ mẫu: Mẹ nuôi vú từ khi còn tằm bé.

3 - Lời trối của người chết.

Từ xưa người mình đã biết làm chúc thư bằng văn tự hoặc lời trối có người chứng kiến. Theo đạo lý người Việt không ai dám cãi lại lời trối của người chết. Cãi lại lời trối trăn người quá cố là đại tội “Trời không dung đất không tha”.

Chúc là lời dặn dò, phó thác của người chết cho người thân.

Chúc thư viết thành văn bản có giá trị hành chính, pháp lý. Có thể nhờ người khác viết, đọc lại cho nghe rồi ký tên hoặc điểm chỉ, lấy dấu tay vào.

Nội dung chúc thư thường là việc chia gia tài, định phần hương hỏa, phần nợ...

4 - Phân biệt hai loại thừa kế.

Trước khi chết người có tiền, tài sản có bốn phận phải chọn người thừa kế. Thừa kế gồm 2 loại:

- Thừa kế tôn thống: nhằm mục đích tế tự tổ tiên, giữ gìn truyền thống gia tộc.
- Thừa kế sản nghiệp: để duy trì và phát triển sản nghiệp của dòng họ tồn tại và không để rơi vào tay người ngoài.

Thừa kế phải được lập theo nguyên tắc thứ tự theo “chiều thuận” nghĩa là người lớn cho kẻ nhỏ, chứ người nhỏ vai không được lập thừa kế cho người vai lớn. Đây là luật bất thành văn ngày nay nhiều người Việt kể cả hải ngoại vẫn áp dụng.

Người thừa kế có thể bị truất quyền nếu kém đức hạnh hoặc bị bệnh điên khùng. Việc bỏ người cũ và lập người thừa kế mới gọi là “lập ái” hay “lập hiền” do hội đồng gia tộc quyết chọn.

5 - Nguyên tắc chọn thừa kế.

- Nguyên tắc ưu tiên cho phái nam. Con gái chỉ có thể thừa kế sản nghiệp và phần chia bao giờ cũng kém hơn con trai vì người Việt Nam quan niệm “con gái là con của người ta”. Con trai là người nối dòng, lo thừa tự mồ mả.
- Cháu trai đích tôn thừa kế cho ông bà nội. Đích tôn là con trai của người con trai lớn nhất trong gia đình.
- Con trai đầu lòng hoặc con trai đầu có chị lớn hơn, thừa kế cho cha mẹ.
- Cháu trai thứ hai thừa kế cho bác chú nếu bác chú không con hay chỉ có con gái mà chú bác muốn lập cháu làm người thừa kế.

Người lập thừa kế trọn quyền phân chia gia sản hay lập di chúc khi còn sống (hoặc sắp chết); con cháu không có quyền đòi hỏi.

Riêng căn nhà người chết ở gọi là nhà từ đường, bao giờ cũng chia cho con trai lớn nhất để lo nhang khói, cúng kiếng.

Ở miền Bắc khi một người không có con kế thừa khi chết tài sản giao cho chùa hay đình để chăm lo tế tự gọi là “mua hậu. Miền Nam không có lệ “mua hậu” như ngoài Bắc.

Tại hải ngoại việc chia tài sản căn cứ vào chúc thư hành chánh.

6 - Hương hỏa không được bán

Hương: Mùi thơm, cây nhang.

Hỏa: lửa, chỉ cây đèn, nến/.

Hương hỏa là nhang đèn, chỉ sự thờ cúng. Ấm chỉ phần gia tài dành riêng cho người sống để lo việc cúng lễ người chết, ông bà, tổ tiên.

Hương quả chủ yếu là ruộng, gọi là Ruộng hương hỏa. Vì là ruộng chung giao cho một người cày cấy, lấy lúa ruộng để cúng tế, hương khói và truyền đời này sang đời khác.

Người giữ hương hỏa thường trông coi nhà từ đường

Nguyên nên hương hỏa tông đường.

Tục ngữ

Hương hỏa không được mua bán. Khi người hưởng hương hỏa qua đời, phải trao tài sản đó cho con, cháu, tiếp tục thừa hưởng và lo việc thờ cúng.

Có một thời kỳ sau năm 1975 vì đất đai thuộc sở hữu toàn dân nên không quy định việc lập hương hỏa. Tuy nhiên sau đó, theo Điều 670 Bộ luật Dân sự hiện hành, pháp luật lại bổ sung quy định chế độ “di sản dùng vào việc thờ cúng”. Trong trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia cho thừa kế mà giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc (như đem bán chẳng hạn) thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng ấy cho người khác quản lý để lo việc thờ cúng.

7 - “Con Ranh Con Lộn” chết không được cúng.

Trong dân gian ngày xưa con ranh, con lộn là tiếng để gọi con cái sanh ra khó nuôi, chết non. thường khi vài tháng lại chết. Đặc biệt những người mẹ có con trong trường hợp này rất mau có thai trở lại, nhưng khi sanh đứa con kế tiếp thì đứa bé này cũng ọc, đau ốm lại chết. Thường khi phải 3 hay 4 lần xảy ra như vậy. Người mẹ khốn khổ này phải chịu đau khổ vì những đứa con sinh ra đều chết và đôi khi sự chết của người con xảy ra cùng trong khoảng một thời gian nào đó giống nhau. Gọi là chết trùng.

Đây là một vấn đề kỳ lạ, gọi là “có huông” xui xẻo mà chính các nhà y học cũng chưa giải thích được thỏa đáng. Có người cho rằng sở dĩ sự kiện ấy phát sinh là do lệch lạc về cấu tạo của những thành phần trong cơ thể đứa bé, có thể cơ thể phát sinh từ bào thai đã có sẵn sự bất đồng bộ và thiếu sót một vài yếu tố nên cơ thể chỉ tồn tại được ở một giai đoạn thời gian nào đó mà thôi.

Cho dù sự giải thích đó được phần nào thừa nhận thì câu hỏi tại sao lúc nào cũng chỉ xảy ra cho từ 3 đến 4 hài nhi còn về sau lại không xảy ra?

Người ta truyền nhau là những đứa trẻ con ranh sau khi chết non sẽ lộn lại thành đứa trẻ kế tiếp nên mới gọi là “con lộn”- tức lộn trở lại.

Những trẻ con ranh chết được chôn vùi sơ sài, mà không có nắm mộ và không hề có cúng như những trẻ chết bình thường.

Những âm hồn này người ta gọi là Cô Hồn thường hay phá phách những người yếu bóng vía.

III - Mê Tín Liên Quan Đến Người Chết

Những lễ tục liên hệ đến tang ma do người trước truyền cho người sau, ít có sách hướng dẫn giải thích rõ nên trong dân gian phát sinh nhiều mê tín dị đoan. Như:

1. Hiện tượng “Lên Cốt Lên Đồng”.

Trong dân gian thuở xưa nhiều người tin rằng hồn người chết có thể nhập xác người sống để cho hồn nhập vào thường thường là một người đàn bà trên 30 tuổi, gọi là xác phàm được một hoặc nhiều oan hồn người chết mượn nhập vào. Hồn có thể là người bị chết yểu, chết oan; có khi là hồn của các trinh nữ, chiến sĩ, không có nơi nương tựa nên nhập vào xác nào đó mà người ta gọi là “hạp”. Hiện tượng mượn xác nhập vào để yêu cầu những điều gì đó chẳng hạn như đòi thờ cúng, đòi được trị bệnh, cứu nhân độ thế...

Khi nào hồn nhập xác, người ta gọi là “xác lên”. Xác có thể lên một

cách bất ngờ không thể định ngày giờ nào; riêng đối với những xác

chuyên nghiệp, bá tánh có cần điều gì thì phải đốt nhang đèn cúng vái, kèm lễ nghi có kinh kệ văn tự để cầu hồn về. Nếu xác chưa lên thì thầy pháp hay người phụ trách phải điều khiển âm binh, gọi âm tướng về hỗ trợ.v.v...

2. Hú hồn, tránh mèo, xác tránh lộ thiên, con cháu không được may đồ tang...

- Đàn ông chết, người ta hú 3 hồn 7 vía; đàn bà chết, 3 hồn 9 vía. Hú ba lần mà xác không lay động, người ta mới hoàn toàn tin người đã chết thật và bắt đầu lo tổ chức tang ma.
- Nhà có người chết phải nhốt mèo. Tránh không cho mèo lai vãng hoặc nhảy qua xác chết sợ xảy ra chuyện quỷ nhập tràng.
- Tránh để xác lộ thiên: nghĩa là cứ để xác chết ngoài trời. Nếu nhà chật, thì phải che rạp.
- Con cháu của người chết không được may đồ tang mà phải nhờ láng giềng hay mượn thợ may.
- Khi liệm xác: con cháu khóc không được để rớt nước mắt vào hòm.
- Không cột gút xác chết khi liệm mà phải cột bỏ vòng để dễ tháo.
- Người nào kỵ tuổi với người chết thì khi liệm, khi hạ huyệt phải tránh đi nơi khác.

IV - Lễ Tang Trùng Những Lễ Khác Trong Gia Đình

- Người đang thọ tang, ngày tết phải làm sao?

Ngày Tết là ngày hanh thông của cả một năm, có ý nghĩa rất thiêng liêng. Vì vậy theo tục lệ thì người có tang phải cắt khăn tang trong ba ngày Tết và kiêng không đi chúc tết. Ngược lại bà con xóm giềng cần đến chúc Tết và an ủi gia đình có tang.

- Có người chết vào ngày Tết thì sao?

Trong trường hợp này, gia đình có thể định liệu được thì nên chôn cất cho kịp trong ngày 30, không nên để sang mùng một, năm mới.

Trường hợp chết đúng ngày mùng một Tết thì không nên phát tang vội mà nên để sáng mùng hai sẽ làm lễ phát tang.

- Lễ cưới chạy tang là sao?

Theo lễ nghi thì khi còn tang trên đầu, nhứt là đại tang thì tránh tổ chức hay tham dự mọi cuộc vui.

Nếu gia đình đã chuẩn bị làm lễ cưới thành linh có người chết thì nên để người chết nằm tạm trên giường, đắp chăn chiếu lại, chưa nhập quan, hoặc gia đình có thể tự làm thủ tục khâm liệm, nhập quan nhưng chưa làm lễ thành phục.

Theo nghi lễ, nếu chưa thành phục thì trong nhà chưa có tang nên không ai được khóc. Hàng xóm tuy có biết nhưng gia đình chưa phát tang thì không nên đến viếng, trừ thân nhân ruột thịt và những người lân cận tối lửa tắt đèn có nhau, coi như người nhà.

Ngay khi đó, cả hai gia đình chuẩn bị gấp đám cưới và cũng làm đủ lễ đưa dâu, đón dâu, làm lễ gia tiên... nhưng lễ vật rất đơn sơ, giản lược,thâu hẹp trong phạm vi gia đình và một vài thân nhân. Khách

đã mời rồi nên xin hỏi. Công việc cưới, gả xong xuôi mới bắt đầu phát tang. Cô dâu chú rể giờ đây đã trở thành thành viên của gia đình nên phải chịu tang chế như mọi con cháu khác.

V - Trước Khi Liệm

Người Việt Nam tin tưởng rằng sự ‘ra đi’ tại nhà có được thân nhân bên cạnh là điều may mắn và nếu phải chết xa nhà là điều bất hạnh và thật vô phúc khi phải khiêng hòm người thân từ nơi khác về.

*Chết bờ chết bụi là sao
Tĩnh ra một giấc chiêm bao ấy mà*
(Khuyết danh)

Chết bờ chết bụi chỉ thân phận người vô phước, do kiếp trước có làm điều gì thất đức nên cuối đời phải chết cảnh như thế.

Cho nên trong trường hợp người bệnh được đưa đi nhà thương và khi biết giờ chết đến gần, thân nhân nên đưa về chết ở nhà. Đây là dịp thân nhân quay quần bên người sắp quá vãng tới phút lâm chung.

1 - Lắng nghe lời trần trối.

Trừ trường hợp bất đắc kỳ tử, mỗi người trước khi chết đều trải qua giây phút ngắn ngủi cuối cùng gọi là phút lâm chung. Giây phút hấp hối hay tiếc nuối rất linh thiêng đối với người trong gia đình.

Trong giây phút này, mọi người trong thân nhân phải giữ yên lặng, cấm trẻ con đến gần người sắp chết trừ khi có lời yêu cầu của người sắp chết muốn dặn dò điều gì. Đây là phút quý báu cần yên tĩnh xem người sắp lìa đời trần trối.

Lúc này mọi người xúm quanh giường, khẩn nguyện tùy theo tín ngưỡng và lắng nghe lời thề thào cuối cùng. Thuở xưa theo sách vở có tục lấy miếng bông để giữa lỗ mũi của người sắp chết, xem coi

lúc nào hết hơi. Khi bệnh nhơn tắt thở, người ta còn rờ mạch tay chân, áp tai sát ngực nghe ngóng để biết chắc người đó đã chết hẳn chưa. Nếu chắc chắn, ngay sau đó tin buồn được tri hô cho mọi người trong gia đình biết, và lúc này mới được khóc.

Việc làm ở phần này tới nay người mình còn duy trì và áp dụng kể cả ở hải ngoại

2 - In dấu chân người chết.

Thuở xưa khi người thân vừa tắt hơi, con cháu phải làm những việc sau:

- Thoa son dưới bàn chân người chết, rồi lấy miếng vải trắng in dấu chân (nam tả, nữ hữu!) lưu giữ trong hộp hay trong khánh để thờ. Từ khi phát minh ra máy chụp hình thì người ta thờ hình người chết thay cho thờ vết son bàn chân.

- Tắm lau người sắp mất, đặt xác quay đầu về hướng Đông tức là quay đầu vào trong.

- Lấy vuông vải hoặc tờ giấy vàng bạc đắp mặt người chết.

- Cắt móng tay móng chân, xong gói lại tay để trên, chân để dưới, sau khi đặt người chết vào trong quan tài.

Nay hải ngoại còn giữ lệ lau mặt, đắp mặt nhưng bỏ tục cắt móng tay móng chân người chết.

3 - Đặt tên thụy cho người chết.

Theo tự điển Thiệu Chử thì chữ Thụy cũng có nghĩa là Tên Thụy hay Tên hèm, nghĩa là lúc người sắp chết thì người khác đưa theo tính hạnh của người sắp chết để đặt cho họ một tên khác để khi cúng giỗ khăn váy, gọi là thụy. Dân gian gọi là tên cúng cơm. Xin nêu tên thụy của một số nhân vật lịch sử như Chu Văn An / Văn Trinh, Phạm Đăng Hưng / Trung Nhã, Nguyễn Huỳnh Đức / Trung Nghị.....

- Cử người nhà túc trực bên cạnh người chết.
- Tìm cách quan sát xác định người thật sự chết mới nhập quan.

Ngày nay người Việt bỏ tục đặt tên thụy người chết. Còn việc liệm do nhà quản nhà thương bao lo.

4 - Hiện tượng quỷ nhập tràng.

Đó là hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy, gọi là Quỷ nhập tràng. Hiện tượng này rất hiếm nhưng đã có xảy ra, do đó trong phong tục đã có sự kiêng cữ để tránh không cho xảy ra. Gọi là "Quỷ nhập tràng" nhưng thực ra không có ma quỷ nào nhập vào xác chết.

Nguyên nhân là do điện âm tích tụ trong thi thể người mới chết chưa kịp thoát ra hết, gặp phải luồng điện dương cực mạnh cuốn hút.

Xác chết tự nhiên bật dậy là tiếp theo do sự cuốn hút bởi một ngoại lực có cảm ứng điện trường. Vì vậy theo quan niệm dân gian, khi trong nhà có người mới chết kiêng cữ nhất là không để cho con mèo bắt thần nhảy qua xác chết (người ta phải canh giữ, phải nhốt mèo lại).

Đã có trường hợp, chén rượu vô ý làm văng vào xác chết, hoặc giọt nước mắt có hơi ẩm nhỏ vào xác chết cũng tạo thành luồng khí, có thể cuốn hút xác chết bật dậy nhưng ngã xuống ngay tức thì.

Cũng có hiện tượng xác chết đuổi theo người sống: Thực ra xác chết không thể bước đi được mà do hơi nóng của người sống cuốn hút, hoặc trường hợp có luồng không khí đối lưu cân bằng khi xác chết ở tư thế đứng song song với người sống. Cho nên xưa có tục dỡ mái ngói hay tranh trên mái nhà để ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào nhằm triệt tiêu hiện tượng cuốn hút đó.

5 - Tục chiêu hồn và lấy sinh khí.

Ở miền Nam xưa có tục hú hồn hú vía người chết nay rất hiếm còn gia đình nào thực hiện, nhưng lại có tục xoa dầu vào đầu người chết.

Trong miền Nam còn có tục đặt một nải chuối sứ còn sống dần lên bụng người mới chết để tránh ma nhập. Đặt bàn nhỏ trên đầu người chết bày 3 vắt cơm (sau này đơm một chén cơm úp ngược) và chong một ngọn dầu hoặc đèn cây trên đầu nằm, lấy lá vàng bạc hay giấy hồng đơn đắp mặt người chết. Tục này nay nhiều gia đình vẫn duy trì kể cả ở Mỹ.

Tục lấy sinh khí ở miền Nam là khiêng bệnh nhơn vừa tắt thở để xuống đất đôi ba phút, rồi thử xem động tịnh như thế nào và nếu không thấy có gì thay đổi thì khiêng trở lên chỗ cũ. Tục này nay không còn nữa.



Chiêu hồn (và) nhập quan

6 - Thiết hồn bạch trí linh tòa và nải phạn hàm.

- *Thiết hồn bạch trí linh tòa* chỉ làm với những người chết hồi dương (sống lại). Thuở xưa người chết hồi dương theo tục lệ thì phải dùng “lụa trắng 7 thước mộc, xếp lại rồi để trên mình người bệnh hồi dương. Chờ tắt thở rồi lấy miếng lụa đó mà thắt giống hình người có đầu mình tay rồi rước hồn qua đó. Thắt hình rồi để vào trong cái quả, đem bày trí tại linh tòa mỗi khi làm lễ phải dỡ nắp quả ra cho hồn ra để hưởng linh. Tục này nay không còn ai theo.

- *Nải phạn hàm*: là lấy đũa bếp cán ngang miệng người mới chết mà đút nếp và 3 đồng tiền điều (đút 3 lần, mỗi lần một nhúm nhỏ nếp và 1 đồng tiền) trước đút bên phải, sau đút bên trái, cuối cùng đút ngay giữa miệng); rồi đặt miệng người mới chết thật kín.

Đó là tục xưa, khoảng sau này phép nải phạn hàm bị bỏ quên, chỉ thỉnh thoảng nhà giàu có, quá thương người chết và tin tưởng thế giới kiếp sau mới thực hiện, như cho đút vàng hay hột xoàn vào miệng người chết chứ không dùng nếp hay tiền đồng, được gọi là “cho ngậm vàng”. Việc này được thực hiện bí mật tránh kẻ gian đào mồ người chết!. Tục này ở Mỹ thỉnh thoảng có gia đình vẫn còn giữ.

7 - Lập tang chủ và người phụ lễ tang.

Tang chủ: Theo lệ thường, gia đình chọn trưởng nam hoặc cháu đích tôn làm tang chủ. Vợ của tang chủ được lập làm phụ lễ giúp tang chủ. Nếu tang chủ đang thọ tang thì lúc đó phải cử cha hay ông của người chết làm chủ tang.

Hộ lễ tang: tức là người phụ lo lễ tang trong lúc gia chủ bối rối. Thường thì nhờ bà con xa hay thân hữu có kinh nghiệm để chỉ vẽ coi sóc việc tổ chức đám tang cho được đúng nghi lễ và chu đáo trong ngoài. Người được lập hộ lễ tang phải là nam giới, tối thiểu cũng vai anh của người chết, về tuổi tác cũng phải trung niên trưởng thành biết chữ nghĩa đồng thời quen việc tang tế.

Việc lập tang chủ và hộ lễ là cần thiết gia đình nào cũng cần.

8 - Lễ tắm rửa người chết.

Tắm rửa người chết thương bằng nước lá thơm, như xả, chanh và cắt móng tay chân rồi gói lại để khi nào liệm sẽ bỏ vô hòm trên theo trên –dưới theo dưới. Riêng khăn, dao, lược, nước tắm dư đem chôn ở xa nhà.

Về sau này hễ thấy bệnh nhơn ngặt liệu không qua khỏi thì gia đình lo nấu nước sôi pha ấm ấm đổ thêm rượu để tắm rửa thay áo quần mới cho bệnh nhơn. Và sau khi bệnh nhơn tắt hơi rồi không có tắm rửa nữa mà chỉ có việc lau mình bằng rượu, thay quần dài, áo không có nút.

Ngoài việc lấy 3 tờ giấy bạch, giấy vàng bạc, khăn điều đắp mặt, có người còn lấy vải buộc cho chặt hai ngón chân cái (để tiện cho tẩm liệm).

9 - Đặt Quan tài.

Quan tài dân gian gọi nôm na là hòm, người miền Nam gọi là hàng.

Trước 1945, ở thôn quê hoặc ngay cả nơi thành thị những gia đình có tiền, nhà rộng rãi hay có lệ sắm sẵn hòm để dành cho ông bà cha mẹ bấy giờ không gọi là hòm mà gọi là “thọ” dưỡng lão.

Một trong những lý do sắm thọ vì lo ngày lâm chung không tìm được gỗ quý làm thọ.

Thọ làm bằng gỗ quý là cây huỳnh đàn (huỳnh đằng) hay giáng hương vì hai loại cây này chịu đựng được sự ẩm ướt lâu bền. Không ai sắm thọ bằng gỗ tạp xấu. Nhà sang trọng có chức quyền muốn

quần xác lâu ngày trong nhà thì dùng kỹ thuật tráng thủy bên trong hòm để giữ mùi hôi thúi không xông ra ngoài.

Thọ dưỡng già hay thọ khi mua về để trong nhà luôn được bao phủ bởi vải để tránh bụi bặm làm ô uế. Thỉnh thoảng sai gia nhân lau chùi gỗ và giặt bao vải.

Hòm nói chung gồm 3 loại:

- Hòm *Lèo đôi*: bằng gỗ quý, cao trên 0m9; khi động quan người ta bỏ

khung đáy lại; dân giàu sang trưởng giả mới được chôn bằng loại hòm này. Nay không còn dùng hòm lèo đôi.

- Hòm *Lèo chiếc*: cũng bằng gỗ quý nhưng không có khung đáy..

- Hòm *Chun ngang*: bằng gỗ tạp, xấu, thấp dưới 0m8.

Sau khi hòm đã được liệm xác, tục lệ ở miền Nam còn phải dán trên nắp hòm một khung gỗ gọi là khung mộc cách; trên mộc cách có 3 chỗ để cắm đèn cầy (trước đầu, giữa và cuối hòm). Cũng có khung mộc cách được chạm trổ hình rồng rất khéo léo và thếp vàng trông rất sang.

Ngày nay không mấy ai sắm sẵn thọ để dành, một phần vì nhà cửa chật chội, một phần vì “thấy sợ.”

Lệ xưa đã định rằng quan tài bao giờ cũng sơn màu đỏ.

VI - Khâm Liệm, Nhập Quan

Không biết từ khi nào mà làng quê ở nước mình đâu đâu cũng có một người “làm nghề” khâm liệm. Người này am tường phong tục, lại thao tác thành thạo và được bà con trong làng xóm tin cậy nhờ vả. Người ta nói ai “làm nghề” này nói chung là nghèo, nhưng “nghĩa tử là nghĩa tận,” làm nghĩa lần cuối, nên ai cũng mong giúp tang chủ chu tất, không muốn sơ xuất sợ xui xẻo. Tin tưởng lâu ngày trở thành mê tín, dị đoan. Làm nghề này không ai nhận tiền công, nhưng phải nói là họ được tang chủ trân trọng và thương tạ ơn bằng tiệc rượu hoặc một ít vật dụng của người chết để lại.

1 - Khâm liệm

Khâm liệm nôm na là bọc xác người chết cho vào quan tài. Thuở xưa nhà giàu dùng vóc nhiều tơ lụa, nhà nghèo dùng vải trắng, may kết lại thành đồ tiểu liệm, đại liệm. Người miền Nam gộp hai lễ khâm và liệm chung làm một gọi nôm na là liệm.

Hòm trước khi liệm phải được nghề trét bằng một loại hỗn hợp để bảo đảm không bị rỉ rả nước hôi ra ngoài.

Trước tiên phải đặt quan tài giữa nhà hay nơi trang trọng. Đầu xoay ra sân. Các con đứng hai bên quan tài, con trai bên trái, con gái bên phải.

Ngày xưa có tục đổ tro, vôi vào hòm dày 1 tấc, rồi trải tám khâm, xong rải 3 tấm ngang, 1 tấm dọc, gọi là tiểu liệm. Đại liệm là trải 5 tấm ngang, 1 tấm dọc.

Đúng giờ hoàng đạo, chủ tang vào cử người đốt nhang cúng bái.

Người chấp sự phủ phục - lễ xuống đứng dậy, bình thân.

Người lo việc nhập quan nâng người chết bằng bốn góc của tấm vải liệm gọi là vải tạ quan và đặt nhẹ nhàng vào áo quan. Chỗ trống trong áo quan được dồn chèn đầy quần áo của người chết khi còn sống

mặc thường ngày và xúc giấy cuốn kèn. Việc này nhằm giữ xác người chết không di động và hút nước do xác chảy ra. Động tác này người miền Nam gọi là “chèn hòm.

Xong xuôi, người ta gấp vải tạ quan lên phía trên, phía dưới, trái trước, phải sau. Sau cùng đặt nắp, đóng "cá" là khóa nắp cho chắc.

Quan tài đã được nhập xác gọi là linh cữu. Lúc bấy giờ, những con cháu "ky tuổi" phải lánh mặt ra ngoài. Xong xuôi mới được phép trở vô để cùng với mọi người sục lạy.

Cổ lễ còn định rằng, trong trường hợp nếu người chết mà cha mẹ còn sống thì linh cữu không được phép đặt giữa nhà mà phải đặt ở gian bên cạnh, trên đầu linh cữu có quàng khăn tang của cha mẹ. Nếu nhà không có gian giữa thì phải đặt linh cữu lệch sang một bên, tránh đặt ngay giữa nhà.

2 - Tiểu và đại liệm

Ngày trước, quy định đại liệm hay tiểu liệm bởi tùy theo người nhà có tiền hay nghèo mà chọn dùng vải khổ lớn hay nhỏ. Tiểu hay đại liệm miễn sao cho kín chân, tay, đầu, gót là được. Nay không còn phân biệt tiểu đại liệm nữa. Riêng tại hải ngoại phần này gia đình chỉ trao bộ đồ cho nhà quan mặc cho người chết. Xác trước khi liệm được chích thuốc chống hôi thúi. Quan tài sau khi liệm xong mới đưa về nhà quan giao cho gia đình lo phát tang.

Người xưa dùng những vật gì lót vào áo quan?

Trong các ngôi mộ cổ khai quật được, ngoài các đồ trang sức của người chết, phía trong áo quan thường có lót lá chuối, giấy bản, trà búp, nếp hoặc khăn vóc áo nhiễu... Các thứ đó đều là những chất hút ẩm và ngăn giữ khí hôi hám khỏi bốc ra ngoài, bởi thời xưa chết xong chưa mấy ai đã chôn ngay, còn phải sắm đủ lễ vật, còn phải gọi thiệp báo tang, chờ đợi xa gần phúng viếng linh đình, nhứt là còn phải chọn ngày, chọn đất mới làm lễ an táng.

Lưu ý theo tục thì sau khi nhập quan, người ta luôn luôn thắp ngọn đèn dầu đặt dưới quan tài và cho đến khi động quan không được để tắt hương đèn.

VII - Lễ Thành Phục

Lễ thành phục rất quan trọng đối với thân nhân người quá cố, bình dân gọi là lễ phát tang. Theo hướng dẫn người chủ lễ, thân quyến của người quá cố bắt đầu mặc đồ tang theo chế độ chịu tang tuần tự từ 3 năm đến 3 tháng. Người Việt quan niệm chịu tang là cách trả hiếu cuối cùng dành cho người thân. Con cháu hãnh diện được chịu tang ông bà cha mẹ. Thân quyến nào không được thọ tang thì lấy làm buồn tủi. Con cháu không vắng mặt trong lúc phát tang thì bị cho là thất lễ, bị dư luận cho là thất hiếu.

1 -Trước khi làm Lễ thành phục.

Thuở xưa, gia chủ cần làm 3 việc theo trình tự là lễ thiết linh sang, linh tọa, thiết minh sanh.

-*Thiết linh sàng* nghĩa là đặt giường cho vong của người chết nghỉ. Giường cũng phải gồm đủ mùng mền chiếu gối như người còn sống, Gọi nôm na là giường thờ. Nay tục này không còn nữa.

-*Thiết linh tọa* là lập bàn thờ nhỏ tạm thời trước quan tài để đốt nhang, đèn, cúng bái ngày đêm cho tới khi động quan và đi chôn. Linh tọa cũng là nơi tiếp nhận khách phúng điếu. Trên bàn linh có hoa

quả đèn hương, có thêm 3 chén cơm, ba ly trà nhỏ và các thức ăn dâng cúng vong. Đại diện gia đình gấp thức ăn vào chén cơm, dâng lên ngang trán mỗi lần cúng cơm.

Tục thiết linh tọa còn giữ tới ngày nay từ trong nước ra hải ngoại. Mỗi ngày có ba lần, con cháu dâng cúng cơm canh trà nước trên linh tọa theo hướng dẫn của quý vị thầy nếu gia gia chủ theo đạo Phật..

-*Thiết minh sanh* gọi theo nôm na là làm lá triệu như theo câu hát trong dân gian.

*Một mai ai đứng bên kinh,
Ai phò lá triệu, ai rình quan tài?
Bên kinh đã có con trai,
Lá triệu con gái, quan tài làng đưa.*

Lá triệu là một lá cờ ghi lý lịch của người chết. Lá triệu bằng vải màu vàng chữ xanh đỏ và thêu ren tua đủ màu sắc sỡ.

Tục xưa lúc viết lá triệu phải tuân theo qui định số chữ nhứt định tùy theo người chết là nam nữ phải theo đúng cách.

Thí dụ: “Việt Nam, Kiến Hòa tỉnh, Thạnh Phú quận, Minh Phú tổng, Thới thập hữu nhị tuế, v.v...”

Lá triệu thông thường do mấy nhà sư phụ trách lễ tang viết dùm cho tang chủ.

2 - Thành phục

Đây là nghi thức mặc đồ tang. Sau khi lá triệu được làm xong, con cháu họ hàng bắt đầu tùy theo thứ tự vai vế mà mặc tang phục, rồi quỳ lạy khóc than trước linh tọa. Đồ tang chuẩn bị trước đầy đủ, người vắng mặt thì tang chủ giữ trên bàn linh để trao lại. Theo lệ sau lễ phát tang xong tang chủ mới tiếp khách viếng phúng. Đồ tang nếu vì lý do gì bị thiếu, theo tục lệ không được phép xé may thêm.

Con cháu phải mặc đồ tang để cúng tế và đáp lễ khi khách đến viếng.

Thông thường xác được quàn 3 ngày; nhà nào giàu có, con cháu đông

đảo ở xa chưa tề tựu đầy đủ, hoặc còn tin âm dương hay địa lý mà chưa tìm được long thành hổ huyết để chôn thì quàn 7, đến 9 ngày là quá mức, hiếm có trường hợp quàn lâu hơn.

Khi chưa chôn cất người chết coi như còn sống. Mọi lễ nghi lấy theo lễ đối với người sống mà lễ, nên mỗi lần lạy chỉ lạy hai lạy như lạy người sống như nói phần trên.

Người theo đạo Phật lễ thành phục có mời thầy cúng và sau đó mỗi ngày khi cúng cơm cũng phải có thầy đến tụng.

Con cháu mặc đồ tang để cúng tế mỗi ngày và thường xuyên cử 2 người hầu bên bàn linh lạy đáp lễ khi khách đến viếng.

3 - Tục đội mũ gai đai rơm và chống gậy

Tục đội mũ rơm thật to quấn quanh đầu, thắt lưng bằng dây gai, dây chuối dây rơm và tục chống gậy chỉ áp dụng đối với con trai chịu tang cha (gậy tre) hay tang mẹ (gậy vông). Tục này ngày nay vẫn còn ở trong lẫn Hải ngoại.

Nguyên do: Đời xưa mồ mả thường chôn nơi hoang vắng xa nhà, đường đi không có, lắm khi còn phải leo núi cao, vào hang động.

Người con trai trưởng vì quá thương xót cha mẹ, khóc lóc thảm thiết sợ đập đầu vào vách đá, hoặc ngã lăn xuống vực. Để tránh tình trạng người này té chết thảm hại, người ta mới đặt ra lệ phải quấn quanh đầu những vật liệu mềm, xốp để nếu va vấp đỡ gây tổn thương và đặt ra lệ phải chống gậy để đi đứng an toàn hơn. Vật liệu dễ kiếm nhất, giàu nghèo ai cũng có thể tự liệu được và ở đâu cũng có thể kiếm được để làm chất đệm, đó là rơm, lá chuối, dây gai, dây đay. Xuất phát từ thực tế, dần dần trở thành phong tục phổ biến tới nay.

Riêng về áo tang thiết lập dài rộng phồng phình nhằm để phân biệt với y phục ngày thường mà thôi.

VIII - Tang Chê

Tùy theo quan hệ người chết với người sống mà người xua qui định tang phục khác nhau để người dự lễ tang nhận biết được.

Tang phục biểu hiện sự thương tiếc người chết, lâu dần trở thành phong tục có ý nghĩa thiêng liêng không ai dám khinh suất.

Không biết nước mình có tục lệ để tang người chết khi nào nhưng sự ghi từ thời nhà Lý, đã có nói tới quốc tang. Vua chết, cả nước phải để tang bần cách trăm họ phải để tóc dài, mặc áo xô trắng 100 ngày. Các quan không được dùng các màu hồng, màu lục trong lúc thọ tang vua. Từ đó về sau vua đến dân ai cũng có lệ để tang cha và người thân. Đến thời nhà Nguyễn tang phục có nhiều kiểu cách phức tạp và chia ra 6 hạng mức chịu tang.

1 - Chịu tang 3 năm.

Gọi là đại tang là để tang cha, mẹ

Nguyên tắc phải dùng Vải trắng loại sô, loại xấu lộ vẻ tiêu tụy, tỏ ý đau đớn. Áo may dài, rộng, tay thụng, không viền gấu, không cài khuy mà chỉ buộc dải. Ở lưng áo có may đắp chông thêm một miếng vải gọi là phụ bản. Hai vai có hai miếng vải gọi là thích.

Con trai phải thắt lưng bằng một sợi dây gai hay dây kết bằng rơm và đầu đội mũ mũ bạc được kết bằng rơm quấn bằng dây vải tang trắng. Mũ rơm hình tròn vành bánh xe, ở trên kết hình chữ thập, có một quai cũng bằng vải xô để đeo dưới cằm.

Con trai còn có tục chống gậy để tỏ ra là người con có hiếu, vì quá buồn thương, khóc lóc đến nỗi ốm yếu, không đủ sức đi đứng như bình thường.

Cha chết thì con chống gậy tre. vì cây tre bốn mùa không đổi màu, ví như tình cảm thương đau của người con không bao giờ giảm sút. Cây tre tròn, cao vút tượng trưng cho trời, ý coi cha như trời cao.

Mẹ mất thì con chống gậy bằng gỗ cây vông. Cây vông còn tên là Đồng. Đồng nghĩa là cùng, ý rằng lòng mẹ vẫn cùng hợp với cha.

Con gái, con dâu để đại tang cũng mặc xô gai nhưng không chống gậy, không đội mũ rơm mà xoa tóc, đội mũ mấn. Gọi là mũ nhưng chỉ là miếng vải xô chiều ngang khoảng 30 cm. Chiều dài khoảng hơn 1m gấp đôi lại nhưng để hai đầu vải so le, rồi khâu một cạnh, chum lên đầu thành một hình chóp.

Đặc biệt con trai (không phải đích tôn), con gái và vợ người chết còn dùng một dải xô trắng chiều ngang khoảng 30 cm, dài hơn 1m, theo chiều dài gấp lại vài lần để hình thành một chiếc khăn có chiều ngang khoảng 5 cm, chít quanh đầu, buộc ở phía sau, bỏ thõng hai đầu khăn xuống lưng, gọi là khăn ngang.

2 - Chịu tang một năm.

Dành cho các trường hợp sau đây:

- Cháu để tang ông bà nội.
- Con riêng của vợ để tang cha ghê nếu có công nuôi và ở cùng.(Nếu không ở cùng thì không tang. Nếu trước có ở cùng sau thôi thì để tang 3 tháng mà thôi)
- Mẹ đẻ ra mình nhưng bị bỏ (xuất mẫu), hoặc cha chết, mẹ lấy chồng khác (giả mẫu).
- Chồng để tang vợ cả có gậy, nếu cha mẹ còn sống thì không gậy.
- Cháu để tang bác trai bác gái, chú, thím và cô ruột.
- Anh chị em ruột để tang cho nhau. Anh chị em cùng cha khác mẹ cũng tang một năm. (nhưng nếu cùng mẹ khác cha thì tang 5 tháng).
- Cha mẹ để tang con trai, con gái và con dâu cả, kể cả con đi làm con nuôi nhà người.
- Chú, bác, thím cô ruột để tang cho cháu (con anh em ruột).
- Ông bà nội để tang cho cháu trưởng (đích tôn).
- Kế mẫu, từ mẫu để tang các con chồng, thứ mẫu tang con mình và con chồng như nhau đều một năm. Tang con dâu cả cũng một năm.
- Con dâu để tang dì ghê của chồng (tức vợ lẽ cha chồng).
- Rể để tang cha mẹ vợ (vợ chết đã lấy vợ khác cũng vậy).
- Nàng hầu để tang cha mẹ chồng, vợ cả của chồng, các con chồng cũng như con mình (các họ hàng bàng thân bên nhà chồng đều không tang).

3 - Chịu tang 9 tháng.

- Tang con gái đã xuất giá,
- Con dâu của anh em ruột.
- Anh chị em con chú con bác ruột để tang cho nhau.
- Cha mẹ để tang con dâu thứ hoặc để tang con gái đã lấy chồng.
- Chú, bác thím ruột để tang cháu.
- Cháu dâu để tang ông bà của chồng, chú, bác, thím ruột, hoặc cô ruột của chồng.
- Mẹ để tang con dâu thứ và con gái riêng của chồng.
- Con gái đã xuất giá để tang bác trai, bác gái, chú thím, cô ruột.

4 - Chịu tang 5 tháng.

- Chắt để tang cụ. Trường hợp này thì Chít khăn vàng.
- Cháu để tang anh chị em ruột của ông nội (ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô).
- Con để tang vợ lẽ, nàng hầu của cha (nếu cha giao cho nuôi mình thì để tang 3 năm như mẹ đẻ).
- Cháu để tang đường bá thúc phụ mẫu và đường cô (anh chị em con chú bác ruột của cha).
- Anh chị em con chú, bác ruột để tang cho vợ của nhau.
- Anh chị em chung mẹ khác cha để tang cho nhau (vợ con của anh chị em ấy thì không tang).
- Chú bác ruột để tang cho cháu dâu (con dâu của anh em ruột).
- Ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô để tang cho cháu (tức là cháu nội của anh em ruột).

- Ông bà nội để tang cho vợ cháu đích tôn hoặc cháu gái xuất giá.
- Cháu ngoại để tang ông bà ngoại và cậu ruột, dì ruột (anh chị em ruột của mẹ, kể cả đối với anh chị em ruột của đích mẫu, thứ mẫu, kế mẫu).
- Cháu dâu để tang cô ruột của chồng.
- Chị dâu, em dâu để tang anh chị em ruột của chồng và con của những người đó (tức là cháu gọi bằng bác, bằng thím).

5 - Chịu tang 3 tháng.

- Chắt để tang cụ nhà bác, nhà chú (tằng tổ bá thúc phụ mẫu và tằng tổ cô, tức là anh em ruột với cụ nội).
- Cháu để tang bà cô đã lấy chồng (chị em ruột với ông nội).
- Cháu để tang cô bá (chị em con chú bác ruột với bố).
- Con để tang bố ghê (nếu trước có ở cùng, sau mới về bên nội).
- Con để tang nàng hầu của cha.
- Con để tang bà vú (cho bú mớm).
- Cháu để tang tộc bá thúc phụ mẫu (anh em cháu chú, cháu bác với cha).
- Chồng để tang vợ lẽ nàng hầu.
- Anh chị em họ nội 5 đời để tang cho nhau.
- Bố mẹ vợ để tang con rể.
- Ông bà ngoại để tang cháu ngoại và cháu dâu ngoại.
- Ông của chồng để tang cháu dâu.
- Cụ để tang cho chắt nội.
- Cháu để tang vợ cậu, chồng cô, chồng dì có cùng ở một nhà.
- Anh chị em con cô ruột và bạn con dì ruột để tang cho nhau.
- Cậu ruột để tang vợ của cháu trai
- Cháu dâu để tang ông bà ngoại của chồng, cậu ruột, dì ruột chồng
- Cháu dâu để tang các ông bà anh chị em ruột với ông nội chồng.
- Chắt dâu để tang cụ nội của chồng.
- Cụ để tang chắt nội trai gái.
- Ông bà để tang các cháu gái của con nhà chú, nhà bác.

6 - Quy định về đại tang.

Đối với đời người, tang cha mẹ là trọng đại nhất, nên gọi là đại tang là vậy. Thời xưa, dẫu làm quan đến chức gì, theo phép nước, hễ cha mẹ mất đều phải về cư tang 3 năm trừ trường hợp đang bận việc quân nơi biên ải hay đi sứ nước ngoài. Lệ này không quy định đối với binh lính và nha lại. Nếu ai vì tham quyền cố vị, giấu diếm không tâu báo để về cư tang, bị đàn hặc vì tội bất hiếu, sẽ bị triều đình xử phạt biếm truất.

Trong thời gian cư tang, lệnh vua không đến cửa.

Ba năm cư tang là ba năm chịu đựng gian khổ, nhẩn nhục, không dự mọi cuộc vui, không dự lễ cưới, lễ mừng, không uống rượu (ngoài chén rượu cúng cha mẹ), không nghe nhạc vui, không ngủ với vợ hoặc nàng hầu, trừ trường hợp chưa có con trai để nối dõi tông đường, ngoài ra ai sinh con trong thời

kỳ này cũng bị coi là bất hiếu. Không được mặc gấm vóc, nhung lụa, không đội mũ đi hia, thường đi chân không, cùng lắm chỉ đi guốc mộc hoặc giày cỏ.

Dầu làm đến tể tướng trong triều, khi khách đến viếng cha mẹ mình, bất kể sang hay hèn cũng phải cung kính chào mời và lạy tạ (hai lạy hay ba vái dài). Khi ra đường, không sinh sự với bất cứ người nào. Ở trong nhà, đối với kẻ ăn người ở cũng không được to tiếng.

Ba năm sầu muộn, tự nghiêm khắc với chính mình, rộng lượng với kẻ dưới, cung kính với khách bạn, để tỏ lòng thành kính với cha mẹ.

Thời nay không còn lệ cư tang quá khắt khe như xưa và nhất là không có điều kiện nghỉ việc thời gian dài.

7 - Lệ xưa cha mẹ không đưa tang con.

Không ai không thương xót người thân qua đời, theo quy luật tự nhiên, cha mẹ già yếu từ trần, con báo hiếu cha, mẹ, đưa tang cha mẹ là chuyện thường tình.

Nhưng nếu con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh, nhiều trường hợp chết non, gây nhiều nỗi đau thương cho bố mẹ. Giờ phút hạ huyệt là giờ phút xúc động đến cực điểm, có nhiều ông cha bà mẹ đã bị ngất lịm đi. Đã có nhiều trường hợp mẹ chết luôn bên huyệt chôn con.

Ngày xưa y học còn kém nên người ta không cho cha mẹ đưa tang con để vơi bớt nỗi đau buồn và để tránh nạn trùng tang. Chẳng những cha mẹ mà các ông già bà cả trong nội thân, sức khoẻ đã tàn cũng không được dự đưa tang, sợ vướng đến sức khoẻ.

Tục này ngày nay có ít nhiều thay đổi. Tuy nhiên tùy theo từng hoàn cảnh cá nhân cụ thể mà quyết định sao cho mọi việc tốt lành.

* * *

Ngày nay trong nước không còn ai giữ lệ thọ tang theo 6 mức hạng mức từ 3 năm đến 3 tháng như ngày xưa bởi nhiều lý do thực tế đời sống, xã hội.

Đa số người Việt hải ngoại chỉ còn giữ thọ tang Cha Mẹ và Ông Bà nội ngoại mà thôi. Ngay việc thọ tang Cha Mẹ Ông Bà người cũng chỉ thọ tang từ 49 ngày đến 12 tháng tùy hoàn cảnh gia đình. Ngoài ra những người thân thuộc khác chúng ta chỉ đến thăm viếng, chia buồn, gởi vòng hoa, đăng báo phân ưu chứ không thọ tang.

IX - Tổ Chức Lễ Tang

Lễ tang xưa gồm ban nhạc, ban lễ, thầy cúng lo lễ tiếp nhận trưởng cũng như văn tế của người phúng điệu.

Lễ tang ngày xưa kéo dài 3 ngày đến 7 ngày có nhà để lâu hơn tùy theo hoàn cảnh. Linh cữu bàn thờ thiết trí nơi trang trọng nhất trong nhà. Trước nhà có dựng rạp xếp đặt bàn ghế để tiếp khách. Nhà theo Phật có lập bàn thờ Phật bên quan tài.

Đối mặt với bàn vong có xếp bộ ván cho ban nhạc lễ sẵn sàng thổi nhạc trống kèn khi có khách viếng phúng điệu.

Đại diện gia đình của người quá cố phải lạy đáp lễ (lạy trả) người đi đám tang. Nếu chôn cất xong có người đến nhà viếng cúng thì tang chủ không nên lại trả.

.Khi người đi viếng LAY bao nhiêu LAY thì phải đáp trả bấy nhiêu LAY (không nhiều hơn, không ít hơn). Điều này không phải là "trả hết lễ" mà chỉ mang ý nghĩa "đáp lễ một cách đầy đủ".

Người đi phúng điếu dầu lớn tuổi hơn hoặc là vai vế trên đối với người chết thì theo lệ cũng phải lay trước linh cữu, vì người xưa quan niệm rằng chết rồi thì thành thần (tử giả vi thần). Số lần lay đều mang một ý nghĩa. Đây là phong-tục đặc biệt của Việt Nam mà người Tàu không có tục-lệ này. Khi cúng, người Tàu chỉ lay 3 lay hay vái 3 vái mà thôi.

Theo nguyên lý âm-dương, khi chưa chôn, người quá-cổ được coi như còn sống nên ta lay 2 lay. Hai lay này tượng-trưng cho âm dương nhị khí hòa hợp trên dương thế, tức là sự sống.

Sau khi người quá cố được chôn rồi, phải lay 4 lay.

Người xuất gia tu theo Phật thì không lay cha mẹ sau khi chết, bởi trước khi vào chùa cạo tóc, đã có xin phép cha mẹ và được cha mẹ đồng ý. Và trước khi làm lễ xuất gia, người con lay cha mẹ 3 lay. Ba lay đó, nói lên lòng biết ơn cha mẹ và cũng để trả hiếu đáp đền lại công ơn giáo dưỡng sâu dày của cha mẹ. Từ đó về sau, người xuất gia không còn lay cha mẹ nữa.

Khi đưa quan tài ra khỏi nhà thân nhân, theo thứ tự như quy định trong tang phục, đều xếp hàng đi theo sau linh cữu. Người con trưởng đi trước hoặc kèm sau xe quan tài theo tục "Cha đưa mẹ đón".

Hạ huyết xong, tất cả người đi đưa đều đi vòng quanh mộ một vòng, mỗi người ném xuống một hòn đất.

Tóm lại: Tang chế là phép tắc để tang dựa theo đạo lý VN: hiếu thảo và thương yêu người chết, nghĩa tử nghĩa tận. Phong tục có từ nhà Lý, nhà Nguyễn.

1 - Ban nhạc lễ

Trước 1945, ngoại trừ gia đình quá túng quẫn, hễ có đám ma là có rước ban nhạc; nhà nào khá giả thời mời thêm ban lễ, gọi chung là ban nhạc lễ.

Ban nhạc đám ma thường gồm các nhạc cụ sau: kèn, đàn cò, đàn gáo, trống cơm, trống, chiến (gồm 1 cái lớn và 1 cái nhỏ); đám ma lớn có thêm trống châu dùng để giống 3 tiếng khi động quan, cúng tế giữa đường và khi hạ rộng.

Mỗi khi có ai phúng điếu thời ban nhạc phải trở lên hòa tấu để khách bái lay người chết hoặc những lúc tế lễ ban nhạc cũng phụ họa cho đúng nghi thức.

Ban lễ còn gọi là học trò lễ

Ban lễ gồm 8 người chia ra:

Bốn thái: là những người chuyên lo việc xướng.

Bốn học trò lễ: là những người chuyên việc đi đăng hoặc đi điện (đi đăng là bưng đèn, đi điện là bưng lễ vật mỗi khi cúng tế).

Nhà nào giàu sang, khách phúng điếu đông có khi phải mượn tới 2 ban nhạc và 2 ban lễ để thay phiên trọn ngày đêm.



Học trò lễ

2 - Thầy cúng.

Về thầy cúng, nhà nào khá giả, khi bệnh nhơn ngặt nghèo đã rước thầy tụng kinh Kim Cang (từ 1 ngày đêm đến 3 ngày 3 đêm); tụng mãi đến khi nào bệnh nhơn tắt hơi. Nhà nào nghèo thì chờ sau khi liệm mới rước thầy để lo việc tụng niệm cúng kiếng.

Thầy cúng thường là một nhà sư, có khi là một người chuyên nghiệp cúng bái dựa theo nghi thức Phật giáo.

Ở hải ngoại không có thầy cúng. Chùa nào cũng có tổ chức tụng niệm làm lễ theo nghi thức Phật giáo, nơi nào không có chùa thì cư sĩ, tổ chức lập Ban Hộ Niệm lo cúng.

X - Đi Đám Tang

Khi hay tin người trong họ hàng thân tộc hay bằng hữu láng giềng qua đời thường ta nên đi phúng điếu gọi nôm na là đi đám ma. Thuở xưa người ta có lệ báo thiệp tang hoặc treo đèn trước nhà báo tin gia đình có tang.

Nay tục báo tang thay bằng Cáo Phó đăng trên báo.

Khi đi đám ma người miền Bắc và Trung thường mặc đồ đen hoặc trắng, còn trong Nam nhất là người Hải ngoại ăn mặc thoải mái hơn nhưng không ai mặc quá màu mè. Khi đưa quan tài đến nghĩa trang người mình học theo tây phương nên mang kính đen nhằm che giấu sự xúc động.

1 - Hoành trương văn tế đám ma.

a. *Đối trướng*: ở miền Nam gọi là văn hay hoành, là món đồ phúng điếu bằng vải, lụa hay gấm. Văn thường màu đen, đôi khi màu xanh dương, được thêu tua ren ở quanh rìa và có dán cần quả lê (ngoài Bắc gọi là kim kĩnh) là miếng thiếc hay nhôm mỏng hình tròn, đường kính 0m01, lấp lánh khi có ánh sáng chiếu sáng.

Trên văn thường có 4 chữ to đại ý chia buồn với tang gia hoặc cầu chúc hương hồn người quá cố gặp nhiều điều tốt đẹp ở thế giới bên kia như:

- Viễn du tiên cảnh.
- Văn sanh cực lạc.
- Mãn viên niết bàn.
- An lạc giải thoát.

Ngoài ra, còn có các chữ nhỏ ghi chú danh tánh người đi phúng điếu và hình bát tiên hoặc bông sen.

Về khuôn khổ, văn gồm 2 loại:

* *Loại treo ngang*: hơi giống hình chữ nhật, bề dài được căng hay treo ngang độ 2m:



Thương - Nguyễn Tấn - Ảnh

Panorama

* *Loại treo đứng*: cũng hình chữ nhật nhưng khuôn khổ to hơn loại treo ngang. Ngoài 4 đại tự và các chữ nhỏ, đôi khi trên loại vãn treo đứng còn có 2 câu đối ở hai bên rìa:

Thuở xa xưa những nhà nho khi đến chia buồn cùng tang gia, ngoài đồ cúng, thường có phúng điệp bằng câu đối như:

- Tiết nghĩa lưu thiên địa
- Tinh thần quán đầu ngư.

Trước 1945, người Việt làm nghề bán hòm phải có trại mộc tư đóng hòm đảng hoàng và công khai. Chợ Lớn có khá nhiều tiệm của người Tàu, mỗi tỉnh miền Nam thường chỉ có một cửa tiệm hành nghề đối trưởng chính thức. Nghề này hầu như một nghề phụ vì theo tâm lý của người miền Nam không ai thích chọn, túng bán cùng cực mới chịu sinh sống với nghề này.

Thông thường, mỗi khi cần đi phúng điệp, người ta đến chùa nhờ các vị sư làm hộ, rồi cúng công quả chứ không có chuyện mua bán hẳn hoi.

b. *Vãn tế*: Các bậc quan lại, anh hùng tử sĩ hay kẻ quyền quý sau khi chết mới được đọc vãn tế. Còn hạng thường dân hoặc nghèo hèn thì hiếm khi được đọc vãn tế, thậm chí đến nhiều lễ nghi có lúc cũng bị bỏ qua.

2 - Đi đám tang theo phép phải lạy người chết.

Không phân biệt tôn giáo khi đi phúng điệp ta nên lạy người chết.

Xá 2 xá rồi lạy 2 lạy. Nếu không đến đưa đám đi chôn thì lạy bốn lạy (lạy hai lạy, rồi xá và lạy tiếp hai lạy nữa).

Đám tang người chết theo đạo Phật, thường có bàn thờ Phật đặt bên cạnh bàn thờ người chết, người đến viếng nhớ đốt nhang và xá lạy Phật trước khi làm lễ đối với người chết. Lạy Phật trường hợp này là nghĩa cử dành cho người chết.

VÁI hay gọi là báy có thể đứng (hoặc quỳ), hai tay chắp như lạy nhưng động tác đưa xuống nhanh hơn và chỉ đưa đến trước ngực, đầu cúi xuống khi vái. Vái thì chỉ thực hiện trước và sau khi lạy và chỉ 2 vái mỗi lần mà thôi (cho dù có thực hiện 2 hay 4 lạy cũng thế).

LẠY tức là chắp hai tay đưa cao quá trán và hạ từ từ xuống phía trước mặt đến ngang ngực và trong một số trường hợp rất cung kính thì người lạy tiếp tục quỳ xuống, chống hai lòng bàn tay xuống đất rồi đầu cúi đến khi trán chạm đất thì hết quy trình 1 lạy. Nếu người lạy ở tư thế đứng lạy thì có thể kẹp thêm một nén nhang giữa hai lòng bàn tay úp vào nhau cũng được. Khi lạy thì người lạy phải nhìn về phía trước, khi tay đưa xuống thì đầu đồng thời cúi xuống theo.

Nếu không đi đám tang được, chúng ta cũng có thể đến nhà thắp hương cúng người quá cố. trường hợp này phải lạy 4 lạy (và vái 3 vái). Theo lệ thì gia chủ không lạy đáp trả như ở nhà quàn.

3 - Phụ nữ có mang và trẻ con có nên đi đám ma không?

Theo quan niệm người phương đông thì người chết thường có hơi lạnh toát ra khiến người sống hít phải dễ bị đau bệnh.

Khoa học thì giải thích là: Người chết các cơ quan lục phủ ngũ tạng ở trong sẽ bị ôi thiu như thịt loài động vật không được bảo quản, khiến nhiều vi trùng, vi khuẩn hoạt động. Người mất thường quàn đến 3-4 ngày làm các cơ quan lục phủ ngũ tạng bị hỏng.

Nên xua có tục lệ để gạo nếp và đồng tiền vào miệng người chết ngoài mang ý nghĩa tâm linh còn nhằm để hút bớt nước và ngăn chặn khí trong ruột người chết phả ra.

Để tránh bị nhiễm, sau khi đi đám ma về người ta hay hơi nóng để xua khí lạnh của người chết là vì vậy.

Người đang có bệnh đứng gần người chết dễ bị khí lạnh ám vào dễ ngất xỉu. Người mang thai thường yếu nên kiêng đứng gần đứng cạnh người chết. Trẻ con hệ miễn còn yếu nên không nên đến đám ma là vậy.

Nay nhiều người kỹ lưỡng đi đám ma về phải thay đồ đem đi giặt và tắm gội sạch sẽ.

4 - Người đi đám tang nên giữ cung cách.

Đến dự đám tang phải nghiêm túc, biểu lộ lòng thành kính đối với người đã khuất, tỏ tình ưu ái đối với tang quyến. Thật là bất lịch nếu bô bô cười nói, đùa giỡn trong lúc tang chủ đau buồn.

Ở nông thôn Việt Nam có lệ cỗ bàn ăn uống trong đám tang. Bởi nhiều người đi lễ ở rất xa và phải ở lại phụ giúp tang chủ tới ngày hoàn mãn nên việc ăn uống là không tránh khỏi. Đám tang ở nông thôn miền Nam thường duy trì ngày đêm nhứt là những đám có rước ban nhạc lễ nên không khỏi tổ chức ăn uống.

Cũng cần lưu ý các bạn trẻ: Khi đi dự đám tang không nên ăn mặc loè loẹt, hở hang, lố lăng, như vậy rất không hợp và sẽ gây khó chịu cho nhiều người.

Tại hải ngoại trong các buổi lễ tang, gia chủ lịch sự tổ chức phục vụ ăn uống nhẹ. Tuy nhiên nên kín đáo kẻo làm mất đi ý nghĩa của lễ tang.

X - Lễ Trước Khi Chôn

1 - Lễ Động quan

Động quan có 5 lễ gồm các lễ cáo từ đường, cáo hậu tổ, cáo đạo lộ, bái quan và động quan. Gộp gộp chung là động quan.

Hai lễ cáo từ đường và cáo hậu tổ được người miền Nam gộp thành một và giao phó cho thầy cúng trong lễ này vợ hay chồng, con cháu quỳ lạy, làm theo lời chỉ bảo của thầy.

Còn lễ cáo đạo lộ là lễ cầu xin các thần đường xá đánh dẹp tà ma đi xa ra để chuyển quan tài đến huyệt được an toàn. Sau này lễ cáo đạo lộ thực hiện sau khi động quan. Lễ vật có thể gồm xôi, chè, chuối, trầu, rượu hay thêm các món mặn tùy tâm tang chủ.

Tiếp theo là lễ bái quan. Lễ này do ông nhân (nhơn) quan người bình dân gọi trại là dân quan, cầm 2 cây đèn cầy chủ xướng và các đạo tì mỗi người đốt một cọng nhang bái lạy trước linh tọa.

Sau lễ bái quan là giây phút quan trọng và đau buồn đến. Đó là lúc động quan.

Quan tài được các đạo tì nhấc lên dưới sự chỉ huy của nhân quan. Con cháu khóc vang mỗi lúc mỗi to; kèn trống đờn cò, trống trỗi lên nghe thật thảm não họ hàng thân hữu đông vây nét mặt ngơ ngác có, u buồn có.

Quan tài được đưa lên nhà vàng. Thuở xưa, nhà vàng bằng gỗ chạm thếp vàng nặng nề do hàng chục đến trăm người khiêng. Nay nhà vàng thường được di chuyển bằng xe hơi. Ở nhà quê, nơi

không có nhà vàng thì các đạo tì (4-8 người) khiêng hòm đến chỗ chôn để lên chân hòm bên huyết để làm lễ.

Nghi thức theo Phật giáo

Trước giờ động quan, thầy tụng đọc kinh, làm lễ Cáo đạo lộ (còn gọi là lễ Cúng đường). Tang chủ cần hỏi các Sư trước về cách sắp đặt lễ cúng, đồ cúng tại nhà cũng như tại nghĩa trang để chuẩn bị cho chu đáo.

Tiếp theo là lễ Bái quan: Khi được phép của gia chủ, người nhưn quan sẽ điều khiển đạo tì hành lễ. Người phụ tá đốt đèn, nhang rồi phân phát cho từng đạo tì đang quỳ dọc hai hàng trước quan tài. Người nhưn quan vái lạy, thắp nhang, cột khăn tang, đốt giấy vàng mã, rải gạo muối..

Sau đó, toàn bộ đạo tì đồng loạt quỳ trước linh cửu lạy hai lạy, xin phép được di quan đến nơi an táng. Theo Phật giáo, khi khiêng quan tài thì tuân theo nguyên tắc đầu quan tài đi trước, chân quan tài đi sau. Các con trai chia nhau cầm bát nhang, hình, bài vị... bước theo các vị Sư đi trước quan tài. Con gái, cháu, chất... phải đi sau quan tài.

Người nhưn quan sẽ điều khiển cho quan tài quay lại chào nhà lần cuối. Quan tài được hạ đầu xuống ba lần. Ra khỏi nhà, quan tài được khiêng trên vai một đoạn rồi mới đưa lên xe tang. Dẫn đầu là một cái bàn có giá để treo tám triện, một bàn vong, đi kèm với bàn vong là các con trai, cháu đích tôn...

Con cháu mang tang sẽ đi bộ theo sau xe tang, theo sau là những người đưa tiễn. Nếu gia đình có mời ban nhạc thì ban Nhạc nam đi trước quan tài, ban Kèn tây sẽ đi sau. Đoàn đường " Đi bộ " không nên quá dài vì dễ gây cảnh ùn tắc giao thông.

Đoàn xe tang thường gồm có một xe chở các nhà Sư dẫn đầu. Theo sau là xe chở quan tài và các xe đưa khách chạy sau cùng.

Nghi thức theo Công giáo

Lễ động quan theo Công giáo được chia làm hai phần. Đầu tiên, bà con trong họ sẽ đọc kinh trước giờ động quan. Sau đó linh cửu sẽ được đưa vào nhà thờ làm lễ. Thông thường, lúc sinh thời người chết đi lễ tại đâu thì sẽ được Cha Sở của nhà thờ đó làm lễ. Đặc biệt, nếu người chết đã từng làm Cha Sở hoặc người chết là cha, mẹ của Cha Sở hay các vị nữ tu thì sẽ được nhiều Cha đến làm lễ Đồng tế. Người theo đạo công giáo ít khi mời các ban Nhạc Việt nam mà họ thường chỉ sử dụng Ban kèn tây khi đưa tiễn.

2 - Đi đường gặp đám tang nên như thế nào?

Hồi trước 1975 chúng ta chắc đã chứng kiến nhiều đám tang rất nghiêm túc, trật tự diễn ra trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh lỵ. Mọi người đi đường đều tự giác tuân thủ kỷ cương xã hội, trật tự giao thông.

Nếu gặp đám tang ngược chiều, không ai bảo ai, dù vội đến đâu cũng đều xuống xe, kể cả người đi xe máy, xích lô đều ngả mũ nón, dắt bộ qua đám tang rồi mới lên xe. hơi thì chậm lại, không bóp kèn.

Nếu đi cùng chiều, không tiện xuống xe thì đi chậm lại và ngả nón.

Thân nhân đi tiễn đưa đều tự giác đi có hàng lối, trật tự. Tài xế xe đám tang ăn mặc theo lễ phục, tác phong cử chỉ rất nghiêm trang.

Ngày nay đám tang ở trong nước nhứt là trên các thành phố đã mất đi tánh nghiêm trang và không còn sự cung kính người quá cố như trước 1975.

Tại hải ngoại tang lễ chỉ diễn ra trong nhà quán, tuy mang ít nhiều màu sắc tôn giáo nhưng còn giữ được phong tục mặc đầu không còn mấy ai hiểu ý nghĩa của lễ tang của người mình.

3 - Lễ Phát dẫn tức là lễ dẫn đường đi.

Thuở xưa rất rườm rà có cả đội quan quân kèn trống. Đám lớn có nghi dọc đường thì hay làm lễ cúng trà rượu. Khi đi ngang qua Đình, Miếu, Chùa, v.v... thường dẫn một miếng giấy đỏ phía trước như xin đi qua,

Từ nhà đến huyết, người ta có lệ rắc giấy tiền vàng bạc để tống khứ ma quỷ theo quan tài và dù đau xót thương tiếc người chết, nói chung, người miền Nam ít than khóc kể lễ như gia đình người Hoa (thuở xa xưa người Hoa còn có tục mượn thân nhân “nằm đường” hay “lăn đường”).

Nếu từ nhà đến huyết khá xa, đám ma sẽ tạm dừng ở giữa đường để tế giữa đường. Nhiều nhà giàu, dầu nhà gần chỗ chôn, thay vì đi một mạch tới nơi, tang gia cho đưa quan tài dạo quanh làng xóm phố chợ một lần chót và mỗi đoạn đường mỗi dừng để tế lễ.

Nay tại hải ngoại nhiều gia đình có lệ đưa nhà giàn dùng ngang cửa nhà, đưa khai lư hương đèn nhang bước vào cửa để gọi là cho người chết thăm nơi ở lần cuối cùng.

4 - Lễ Hạ rộng.

Khi linh cửu tới huyết, quan tài được khiêng đặt trên hai chân ngựa hay đặt tại nhà trạm để thân nhân và thầy cúng làm lễ sau đó quan tài được chuyển ra huyết và làm tế hậu thổ.

Người dân nghèo, nhiều khi người ta không biết và bỏ hai lễ này.

Đến giờ đã định, quan tài được hạ rộng giữa tiếng than khóc của gia

quýn và thân bằng quyến thuộc. Lá triệu được trải lên nắp quan tài, dẫn 3 miếng đất gọi là “hoàng thổ” rồi mới lấp đất; mỗi người đưa đám tiễn người chết bằng một nhánh bông hay một cục đất sau khi tang chủ hành động trước.



Cảnh hạ huyết

Trước giờ hạ huyết bạn hữu người quá cố thường đọc lời chia buồn, điệu văn.

Những người có đạo Phật phải rước thầy đến làm lễ rất long trọng.

Thân nhân nào kỵ tuổi với người chết theo lệ thường tránh mặt lúc này. Thân nhân nào không muốn tiếp tục chịu tang có thể xả tang bằng cách bỏ tang xuống huyết.

XI - Lễ Sau Khi Chôn

1 - Tế thành phần và phân khố

Theo sách vở, sau khi đắp mộ xong là tế thành phần, con cháu mỗi người lạ 4 lạy.

Tang gia bắt đầu cảm tạ và tiễn đưa khách. Thân nhân và gia đình theo linh xa hay tinh tò trở về, vừa đi vừa khóc gọi là phản khóc. Sau này bỏ bớt tục này!

2 - Lễ an vị và tế ngu

Khi linh xa về đến nhà, con cháu rước thần chủ vào nhà làm lễ an vị trên bàn thờ. mỗi người lạy 4 lạy. Sau đó sửa soạn tế ngu; tế luôn 3 lượt gọi là sơ ngu, tái ngu và tam ngu theo quan niệm: xác đã chết, hồn bị phiêu lạc cần phải cúng bái trấn an.

Nay người hải ngoại chỉ còn giữ lễ an vị đặt hình, lu hương trên bàn thờ tại nhà hoặc tại chùa.

3 - Lễ mở cửa mả.

Lễ vào ngày thứ ba kể từ ngày chôn với ý nghĩa làm cho người mới chết biết mình đã chết thật. Có người tính từ ngày chết là không đúng.

Lễ vật gồm có: 3 ống tre (đậu xanh, gạo, nước; mỗi ống đựng một thứ), 1 con gà giò, 1 cây mía lau (nếu người chết là đàn bà chửa thì thay thế bằng cây chuối) và 1 cái thang bằng sớng lá chuối.

Trong lúc làm lễ, vợ hay chồng, con cháu quỳ lạy phủ phục trước mả mới. Người đạo Phật có rước ông sư tụng kinh, vừa tụng vừa lúi con gà đi quanh mả 3 vòng, rồi thả để cho ai muốn bắt thì bắt.

Dân gian cho rằng người khó nuôi con hay tìm cách bắt gà mở cửa mả đem về nấu cháo cho con ăn. Cùm từ gà mở cửa mả chỉ chỉ hạng người khù khờ.

4 - Hồn người chết chui lên

Ở Gia Định - Sài Gòn, có một thứ mê tín về hồn thư. Theo đó, người ta cho rằng trong vòng từ 10 ngày đến 100 ngày sau khi chết, vong hồn sẽ từ dưới mả chui lên, dưới dạng một quả cầu lửa, xoáy tròn và phóng vọt lên cao như sao chổi. Thân nhân người chết nếu nằm trên đường đi của quả cầu lửa ấy sẽ bị chết giấc. Những người bị “hồn thư” này chỉ được cứu sống bằng nước tro của nắm cơm chong đầu và 3 tờ giấy đắp mặt của người chết ấy. Chính vì vậy, mà có tục khi tần liệt, tang chủ luôn giữ lại nắm cơm đầu và ba tờ giấy đắp mặt để phòng khi hữu sự; cũng như tục dùng lá ráy đắp mặt những đứa trẻ chết non – được coi là con ranh con lộn – với mục đích là làm cho hồn kẻ yếu tử không nhớ đường trở về mà phá hại gia đình.

XII - Lễ Sau Từ Khi Chôn Đến Mãn Tang

1 - Cúng vong linh người chết

Gia đình Việt Nam mỗi ngày có hai bữa cơm chánh, đây là giờ phút đoàn tụ, đầm ấm. Trong nhà có người về muộn, mọi người cũng cố chờ về ăn cơm một lúc. Con cháu người miền Bắc, trước khi ăn phải mời ông bà, cha mẹ, chờ ông bà, cha mẹ rồi mới bắt đầu mới dám ăn. Có nơi xới bát cơm lần thứ hai còn mời nữa.

Nếu nhà có người chết. trong bữa cơm người thân phải dâng lên bàn thờ cúng vong linh một bát cơm đơm úp, một vài món ăn bình thường, nhà ăn thứ gì cúng thứ đấy, nhưng phải tinh khiết, không đòi hỏi cầu kỳ, nhà nghèo thì lưng cơm muối dưa cũng xong.

Thắp hương xong, cắm đôi đũa vào giữa bát cơm, có rượu thì rót chén rượu. Khấn vái xong rót chén nước. Thờ cúng vong linh cũng giống như đang sống, cũng là để thỏa nguyện tâm linh và lòng thương nhớ.

Nhà khá giả mỗi ngày người ta phải cúng cơm bữa cho người chết. Trong mỗi buổi cúng cơm phải dọn 3 chén cơm, 3 món ăn, 1 đôi đĩa giữa (dành cho vong mới!), 2 chiếc đĩa ở hai bên (dành cho hai đáng khuất mặt theo vong mới!) gọi là cúng kem theo ý nghĩa nếu chỉ bày 1 đôi đĩa thôi hai đáng khuất mặt sẽ dành phần ăn của vong mới.

Lễ cúng vong linh tới mãn tang mới thôi. Nay có người cúng tới 49 ngày, hoặc 100 ngày chớ í tai cúng tới mãn khó.

2 - Cúng thất, cúng 100 ngày

Theo thuyết của Phật giáo: người chết phải chịu 7 lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua một điện ở âm ty (1 tuần có 7 ngày, nhưng không phải tuần lễ theo dương lịch); sau 7 tuần vong hồn đã siêu thoát.

Có nơi cúng hết 100 ngày gọi là là thôi khóc. Theo giải thích người xưa thì thời gian này âm hồn người chết vẫn còn phảng phất luẩn quẩn trong nhà chưa đi xa.

Tục lệ này nay có thể cắt nghĩa căn cứ theo thuyết Thần giao cách cảm: Những cá thể có cùng tần số cảm ứng trong điện trường sinh học, mặc dầu ở cách xa nhau rất xa vẫn nhận được những nguồn thông tin của nhau. Người chết chưa phải là đã hết khi người chết còn tồn tại trong tâm trí người sống. Phải chăng vì lẽ đó mà các cụ cho rằng âm hồn còn phảng phất, chưa siêu thoát.

Cúng thất và chung thất 49 ngày là do tin theo thuyết nhà Phật, nay trở thành phong tục áp dụng cho mọi tôn giáo.

3 - Lễ nào là lễ trọng đối với người chết?

- Sau khi an táng xong, có lễ ba ngày, 49 ngày, 100 ngày, lễ giỗ đầu, lễ giỗ thứ hai.v.v... lễ nào là lễ chính?

Tuy không thấy ghi trong điển lễ nhưng đây lại là vấn đề rất thiết thực với mọi người Việt vì vậy phải xác định xem lễ nào là chính. Lễ giỗ thì hầu như thống nhất nhau, Còn các lễ khác có nơi chú trọng lễ 49 ngày là chính, có nơi lễ 100 ngày là chính, có nơi làm lễ 3 ngày xong xuôi là được.

Trong lễ tang khi ai cũng bối rối, việc thù đáp đối với thân bằng cố hữu và những người đến hộ tang chắc chắn còn nhiều khiếm khuyết, nên thông thường tang chủ chọn một trong những ngày lễ sau khi an tang để tạ ơn.

Tùy hoàn cảnh tài chánh, sinh hoạt gia đình mà mỗi người chọn một lễ nào thích hợp để vừa giữ phong tục vừa giữ phong cách giao tế xã hội cho phải cách. Thông thường tang chủ chọn lễ 49 ngày làm ngày cúng lớn và mời khách đến dự để tỏ lòng cảm ơn.

4 - Làm lễ trừ phục- xả tang.

Hết tang là hai năm thay vì 3 năm như ngày xưa. chọn một ngày tốt trong vòng ba tháng cuối, để làm lễ trừ phục. Trừ phục gồm 3 lễ:

- *Lễ sửa mộ*: Đắp sửa mộ lại cho hoàn chỉnh. Phần lớn lúc lễ tang gia đình bận bịu và không có điều kiện làm một như ý muốn,

- *Lễ Cất khăn tang*. Phải hủy đốt các thứ thuộc phần lễ tang kể cả vãn, trướng. Linh vị và bàn thờ tang cũng thu dọn dẹp đi.

- *Rước linh vị vào chính điện và yết cáo tổ tiên*: Chép sẵn linh vị mới, phủ giấy hay vải đỏ, đốt linh vị cũ. Sau đó rước linh vị mới, bát hương và chân dung (nếu có) đặt ở hàng dưới của bàn thờ chính.

Trường hợp nhà con thứ không thờ gia tiên bậc cao hơn thì vẫn để nguyên bàn thờ như cũ, không phải chuyển bàn thờ mà chỉ cần yết cáo gia thần và yết cáo tổ ở nhà thờ tổ.

Lễ mãn tang, lễ giỗ sau này đều tổ chức cúng 2 ngày: Ngày sống và ngày chết gọi là Tiên thường và Chánh giỗ.

5 - Cúng người mới chết trong ngày Tết.

Ngày Tết có thể coi như ngày giỗ hội cho tất cả mọi người trong dòng họ nội ngoại đã khuất mặt. Bởi vậy, tục lệ đối với những người mới chết, trong mấy ngày Tết được coi trọng.

Từ 23 tháng chạp lần lữa đến sáng 30 (hay 29) nhà nhà mua sắm, quét dọn, chưng diện bàn thờ, đồ thờ và mọi ngõ ngách, vật dụng cho thật sạch sẽ, tươi sáng để chuẩn bị đón tiếp người khuất mặt.

Chiều tối 30 (hay 29), nấu nướng xong xuôi, vợ chồng con cháu tụ họp đủ mặt là bắt đầu dọn đồ cúng để làm lễ rước ông bà và cúng người mới chết.

Bao nhiêu món ngon vật lạ bày ra: bàn thờ chính giữa một mâm (để cúng cửu huyền thất tổ), hai mâm cho hai bàn thờ nhỏ bên phải, bên trái (để cúng bà con bên nội bên ngoại), trên bàn nước kế bàn thờ lớn một mâm (để cúng đất đai); ngoài ra, trên bộ ván hay chõng tre bên trái hoặc bên phải bàn nước cũng có bày thêm một mâm nữa (để cúng các vong linh, vai ngang hay vai nhỏ hoặc bà con dòng họ mà không có thờ trên hai bàn thờ nhỏ), vị chi là năm mâm. Nhà cửa chật hẹp thì làm ba mâm: 1 mâm cúng người mới chết, 1 ông bà, và 1 đất đai.

Nói là mâm chứ thường trên bàn thờ, các món ăn được bày lan tràn theo chỗ trống.

Mâm người mới chết gồm 4 món chuẩn, có một lư nhang, cặp đèn, ba chung nước, ba chung rượu, ba đôi đĩa. Sau gia chủ, đến vợ và con cháu, lần lượt kính bái ra mắt tổ tiên lần lượt đến với nơi thờ người mới chết. Đợi nhang tàn, gia chủ đại diện gia đình bái tất. Tất đèn, dọn thức ăn, cả gia đình quây quần ăn uống mâm cúng người mới mất.

6 - Món cúng

Trên lý thuyết phải có 4 món cơ bản. Ở đồng bằng sông Hồng có món: giò, nem, ninh, mọc, còn ở Nam Bộ thì cũng có 4 món tương ứng như ở phía Bắc kiểu giò, nem, ninh, mọc.

Dịp cúng giỗ tổ tiên, chẳng ai hiểu rõ ông bà thời xưa khi vào Nam thích ăn món gì, chế biến các món ra sao, nhưng tùy hoàn cảnh mà có 4 món: **hằm, thịt luộc, xào, kho**. Nên hiểu không phải là dâng cúng theo cha mẹ đã quá cố nhưng bà con xa gần thời xa xưa cũng được tham dự, vì vậy nếu cúng 3 mâm ở 3 bàn thờ (giữa, bên trái, bên phải) hay một bàn thờ thì thức ăn phải giống nhau.

Món hầm, tức thịt heo hầm, thường là giò heo hầm măng tre Mạnh tông, loại măng ngon nhứt của Nam Bộ (gợi tích ông Mạnh Tông trong Nhị Thập tứ hiệu).

Món thịt luộc là thịt ba chỉ, xắt mỏng.

Xào là món bị câu thúc về hình thức: xào chua, xào mặn với rau cải, đồ lòng, hoặc tôm, gần như tuyệt đối không dùng thịt rừng.

Món kho thường là thịt heo, cá lóc kho với nước dừa để gọi phong vị miền Nam.

Ở miền quê, ngày xưa bày đám giỗ linh đình với quá nhiều món khác nhau, lắm khi ăn không hết các món, nhưng căn bản phải có 4 món cổ truyền như trên.

Ngoài ra, còn để dành ở một bàn riêng, không cúng trên bàn thờ vốn đã chật chội, chờ khi đãi khách sẽ dọn ra như thịt bò xào, bánh mì cà ri, chả giò... Thời xưa, ông bà ta không có tục ăn tráng miệng như người Tây phương, vả lại trái cây đã được chưng sẵn từ trước trên bàn thờ rồi.

Rượu phải là rượu đế, vì tổ tiên không biết rượu Tây, rượu Tàu.

Lắm khi ở quê, ở gia đình nhà vườn, có bày tiệc nhậu lai rai ở trước sân, bờ vườn, nhằm cảm giữ những người khách đến sớm, thường là nhậu với vài miếng thịt gà, đồ lòng, nhưng không có những món hoang dã như rùa rắn. Vài món đặc sản như chả cua, gà quay, cà ri, heo quay bánh hỏi có thể dọn cúng, ở gia đình nửa quê nửa chợ.

Gần như tuyệt đối không cúng những đồ chế biến sẵn đựng trong hộp. Lắm gia đình vì hoàn cảnh phải đặt buổi tiệc giỗ ở nhà hàng, nhưng khi đến giờ lễ, họ cũng mang đến một số món tự pha chế như khổ qua hầm thịt, thịt kho để cúng trên bàn thờ còn những món đặt ở nhà hàng thì để đãi bạn bè, thân quyến.

Theo sự quan sát của chúng tôi, gần như vắng mặt món mắm. Ở phía Nam, phải chăng đó là dấu ấn của người Chăm, người Khmer. Người Việt chỉ muốn giữ những gì thuần túy của ông bà từ nhiều thế hệ trước. Điều đó để chứng minh gia đình người Việt đã ổn định, có nề nếp chớ không còn ở trong thời kỳ du canh, du cư lúc mới khẩn hoang. (Theo *Sơn Nam, Nam Bộ, Xưa và Nay*, 4/97)

7 - Tục đốt vàng mã

Theo quan niệm của người đời xưa, người chết cũng có nhu cầu ăn uống, nhà cửa, quần áo, hút thuốc, ăn trầu, cũng cần tiền xe, cần tiền đi lại và mọi khoản chi dùng như khi còn sống...

Người chết cũng được chia vật dụng đem đặt trong nhà mồ gồm nồi đồng, mâm gỗ, ấm đất, chén đĩa, dao rựa, chăn chiếu quần áo, mũ nón... Người chết cũng được chia cả trầu, heo, gà, thóc, gạo...

Sau ba năm, tang chủ làm lễ khấn vái và ra mồ xin lại những đồ vật còn dùng được đem về kể cả súc vật còn sống, kể cả súc vật vừa mới đẻ ra...

Từ việc cúng tế bằng đồ thật, dần dần mới sinh ra lễ đốt vàng mã, tức là thay thế bằng các đồ vật làm bằng tre, gỗ, rơm, rạ, đất sét hoặc giấy bồi tượng trưng, nhưng kích thước thu nhỏ lại để người cõi âm mang đi. Áo quần của người chết mặc khi còn sống, để lại nhà mồ sau ba năm mục nát, không dùng vào việc khác, người ta đốt đi dần dần mới nghĩ ra cách thay thế bằng quần áo giấy. Vì vậy mới có câu tục ngữ "Đi với ma mặc áo giấy" là vì vậy.

XIII - An Táng Người Chết

Người Việt Nam coi trọng mồ mả của người đã khuất, do lòng thành kính đối với người chết. Mồ mả không chỉ là nơi an tang người chết mà còn mang ý nghĩa linh thiêng, huyền bí khiến không ai dám động tới mồ mả sợ ảnh hưởng đến con cháu. Luật pháp xưa coi xúc phạm mồ mả là trọng tội.

Trăm năm còn có gì đâu?

Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì.

(Truyện Kiều, Nguyễn-Du)

Mộ đồng nghĩa: mồ, mả là nơi người chết được chôn cất (chôn xuống đất). Mộ thường nằm tập trung ở các nghĩa địa (nghĩa trang) hoặc nằm riêng lẻ, với xác người chết hoặc tro đốt xác chôn bên dưới.

Thế giới có mấy cách táng như: địa táng (thổ táng), hỏa táng, thủy táng, không táng (thiên táng), huyền táng, điều táng... Riêng Việt Nam phổ biến hiện nay là địa táng và hỏa tang.

1 - Địa táng

Địa tang hay Thổ tang, là một hình thức mai táng được đa số người Việt Nam áp dụng tới nay.

Thổ táng gồm có 2 loại:

→ Một loại chôn cất xuống đất vĩnh viễn, trừ phi "mả động", nghĩa là khi trong gia đình xảy ra biến cố gì bất trắc như có người đau nặng, mất mùa, cửa nhà sa sút, chết bất đắc kỳ tử... sau khi chôn. Thì người ta mới phải cải táng.

→ Một loại chôn tạm xuống đất một thời gian nhất định (tuỳ theo tập tục quy định), sau thời gian quy định phải cải táng, tức là lấy xương cốt còn lại đem chôn lại nữa ở chỗ khác hay địa điểm cũ, lần này mới chôn vĩnh viễn". Hình thức này có ở Việt Nam từ rất lâu đời có trong nền văn hóa cổ Sa Huỳnh, Đông Sơn miền Trung.

Đọc thêm

Quan tài cải tang có nhiều loại khác nhau, như:

→ *Quan tài hình vò* (còn gọi mộ vò, mộ chum): người xưa dùng vò để mai táng người đã khuất. Ở Sa Huỳnh, lần đầu tiên người ta lại sử dụng thuật ngữ mộ chum. Ở Làng Cả, người Đông Sơn lại dùng nồi gốm, vv. Vò hay chum được để hở hoặc đậy bằng những vung đặc biệt hoặc các hiện vật gốm nhưng cùng loại hình. Có trường hợp trong một chum, vò to còn có nhiều vò chum nhỏ đặt bên trong. Một số nhà nghiên cứu đề nghị nên sử dụng thuật ngữ mộ có quan tài gốm. Khi dụng cụ không vừa chiều dài của thi thể, người xưa có thể ghép 2 cái, hoặc đục đáy cái thứ ba để lồng vào giữa. Những quan tài được ghép bằng hai ba hiện vật thường được đặt nằm ngang. Loại hình này có phạm vi phân bố rất rộng vào thời đại sắt sớm ở khắp vùng lục địa và hải đảo Đông Nam Á. Trong thời đại đá mới, chúng tồn tại phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới nhất là đối với những cư dân chuyên làm nông nghiệp.



→ *Quan tài hình thuyền*: người xưa dùng quan tài hình thuyền để mai táng. Còn gọi là quan tài thân cây khoét rỗng. Quan tài là một đoạn thân cây khoét rỗng lòng, chừa hai đầu hay ghép thêm hai miếng ván. Nắp quan tài có mộng hay chốt để khớp với quan tài. Trong đồ tùy táng thường có mái chèo. Phổ biến trong khu vực văn hoá Đông Sơn ở các vùng trũng. Ở Việt Nam hiện nay đã có gần 30 di tích có quan tài hình thuyền thuộc văn hoá Đông Sơn được nghiên cứu. Nổi tiếng như khu mộ Việt Khê (Hải Phòng), Châu Can (Hà Tây). Tàn dư của loại quan tài này vẫn còn tồn tại nhiều nơi ở Việt Nam.

2 - Huyền táng

Hay còn gọi là tục táng treo. Một kiểu táng người chết không phổ biến rộng rãi như địa táng nhưng xuất hiện rất nhiều trong thời xưa. Theo cách này, người ta để thi thể người chết lộ thiên, hoặc để nằm trên một tấm phen, hoặc để nằm trong quan tài hình thuyền. Có nhiều cách để quan tài như

→ Đặt quan tài trên chạc ba một cái cây to hoặc treo lủng lẳng trên cành cây.

→ Đặt quan tài dưới vòm mái đá hay trong hang đá ở lưng chừng núi, có khi đặt nằm sâu trong hang động. Những hang động thường nằm gần sông, có rào chắn cẩn thận, là hang thiên tạo hay do con người đào khoét. Hang được ngăn ra nhiều phòng, tạo chỗ để nhiều quan tài.

→ Dùng những đoạn gỗ to ghim vào vách núi làm điểm tựa cho quan tài hoặc cắm một đầu quan tài vào những hốc đá trên lưng chừng núi,.

Ở Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều di chỉ về hình thức huyền táng này ở các dân tộc thiểu số miền núi và trung du như: quan tài treo ở động Ma, xã Hồi Xuân, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Hang đá với nhiều mộ treo ở xã Tân Lập, huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La. Những rừng ma của các dân tộc ở Tây Nguyên nổi tiếng các làng Biên Loong, Đak Xay, Dục Lang và Vai Trang của dân tộc Giẻ-triêng ở xã Đak Long, huyện Đak Glei tỉnh Kon Tum ... Hiện nay, táng treo không còn nữa vì tục này gây ô nhiễm môi trường, bệnh dịch...

3 - Thủy táng

Là hình thức thả trực tiếp xác người chết xuống sông, biển, hồ... hiện nay hình thức này không còn vì gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên trong những trường hợp bất đắc dĩ vẫn còn sử dụng. Nó liên quan nhiều đến điều kiện và môi trường sống cũng như ý nghĩa tâm linh của những cư dân sử dụng hình thức này. Thủy táng không chỉ có ở Việt Nam mà khá phổ biến ở những cư dân ven biển, trên các đảo nhỏ ở vùng Đông Nam Á (cả những vùng thuộc văn hóa Đông Nam Á cổ đại).

Hình thức này cũng xuất hiện trong tác phẩm văn học “Mùa hoa cải bên sông” của nhà văn Nguyễn Quang Thiều đã được đạo diễn Khải Hưng chuyển thể thành phim “Lời nguyện của dòng sông” với hình ảnh thủy táng người vợ của lão chài họ Phạm. Hay bộ phim “Mùa len trâu” truyện của Sơn Nam do Nguyễn Võ Nghiêm Minh làm đạo diễn với hình ảnh thủy táng người cha của Kim giữa đồng nước mênh mông, đồng thời bộ phim này có hình ảnh cả tục táng treo trên cây, khi nước xuống mới đem chôn (mặc dù không đúng thật 100%). Điều này phần nào thể hiện cách thức mai táng chịu ảnh hưởng rất nhiều của điều kiện tự nhiên.

4 - Hỏa táng

Còn gọi hỏa thiêu. Đốt cháy người chết thành tro (dùng gỗ, dầu mazut, dầu hoả, khí đốt; dùng điện là tốt nhất); tro của hài cốt tùy theo phong tục của cộng đồng mà cho vào bình kín để thờ cúng trong gia đình hoặc nơi thờ tự của tôn giáo như chùa, vv. hoặc để ở một nơi công cộng hoặc theo nguyện vọng của người quá cố (ví dụ như rải ngoài thiên nhiên).

Ở Việt Nam, trước đây tục hỏa táng chủ yếu ở người Khơ Me theo đạo Phật. Mỗi phum, sóc người Khơ Me có nơi hỏa táng riêng, nhiên liệu chủ yếu là củi. Trước khi hỏa táng, người ta tiến hành những nghi thức có tính tôn giáo nhằm đưa hồn người chết về thế giới bên kia.

Trong những tư liệu khảo cổ học cũng cho thấy tục hỏa táng đã có trong nền văn hóa Sa Huỳnh vì tìm thấy những mộ chum chứa tro cốt. Hiện vẫn chưa khẳng định được đây xuất phát từ tín ngưỡng bản địa hay du nhập từ bên ngoài.

Ngày nay người Việt hải ngoại có khuynh hướng chọn hỏa táng, Tro cốt đem vô chùa, đem về Việt Nam hoặc rải xuống biển.

5 - Thiên táng

Thiên táng (táng trong tư thế ngồi thiền) hay Tượng táng (làm thành tượng để táng), là một loại hình rất hiếm hiện nay chỉ được tìm thấy ở Trung Quốc và Việt Nam. Đặc biệt chỉ thấy ở những nhà sư Phật Giáo. Các tượng nhà sư vẫn còn nguyên vẹn xương cốt, nội tạng... được đặt trong tư thế thiền định. Đây là một hình thức táng vẫn đang được nghiên cứu vì sự đặc biệt của nó.

Ở Việt Nam có hai trường hợp thiên táng nổi tiếng là của nhà sư Vũ Khắc Trường và Vũ Khắc Minh ở chùa Đậu, tức Thành Đạo Tự, thuộc làng Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. "Theo truyền thuyết trong dân gian có nói rằng là hai thiền sư vào nhập thất có dặn là ta vào nhập thất 100 ngày, có gõ mõ niệm phật, hết 100 ngày thì toàn thân sẽ khô đi, thơm tho, nếu thực sự như thế thì để nguyên còn nếu có mùi như mọi người thì đem chôn... Đến nay di hài của hai nhà sư vẫn còn được lưu giữ theo thể ngồi thiền".

XIV - Mộ Mã

Trăm năm còn có gì đâu ?

Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì.

(Truyện Kiều, Nguyễn-Du)

Mộ đồng nghĩa: mồ, mã là nơi mà xác người chết hoặc tro đốt xác được chôn bên dưới. Mộ thường nằm tập trung ở các nghĩa địa (nghĩa trang) hoặc nằm riêng lẻ.

Việt Nam mồ mã gồm 2 loại chính.

1 - Mả đất

Hình chữ nhật, kích thước độ 2m x 0m5 x 0m5; đỉnh mồ vẫn có hình chữ nhật nhưng hơi tròn và càng cao bề mặt càng nhỏ dần. Nếu không được chăm sóc hay đắp bồi mả hằng năm, những ngôi mộ đất lâu ngày bị mưa gió soi mòn nên nắm mồ thấp hay lở dần, có khi bị san bằng.

Ở miền Nam, mồ đất phổ thông nhứt, nếu muốn xây đá người ta cũng thường đợi mả tang. Hiện nay sau khi chôn xong nhiều gia đình có tiền lo xây mả đá liền. Xây mả đá ngay lúc chôn thì không cần con ngày coi tuổi nhu đợi mả tang.

2 - Mả đá

Mồ xây bằng đá gọi theo dân gian là mả đá, cũng hình chữ nhật, kích thước không thống nhứt vì tùy gia cảnh của người quá cố. Sau này mả xây bần xi măng cũng gọi là mả đá.

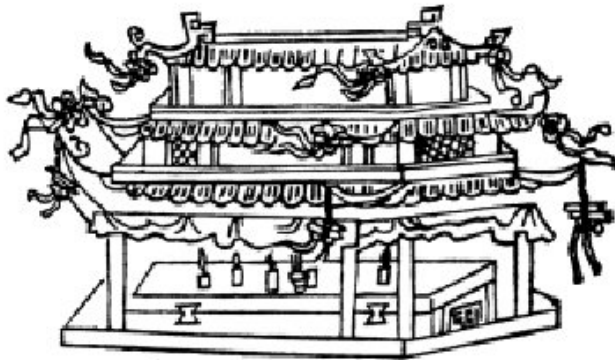
Trước 1945, mồ ở miền Đông và vùng Tiền Giang thường được xây bằng đá hơn ở Hậu Giang vì hai miền đó dễ kiếm vật liệu và dễ di chuyển. Đá dùng để xây mả ngày xưa thông dụng là đá ong, thứ đến là đá xanh: Mồ xây trông khác với mồ đắp ở điểm chánh là 4 góc có 4 trụ và chu vi tối thiểu cũng phải tới 2m5 x 1m. Nói chung là lớn và bề thế hơn mả đất.

Dù mồ đất hay mồ xây, mộ bia, bình cấm nhang bao giờ cũng được đặt ở dưới chân của người chết theo sự tin tưởng rằng người chết nằm trong mộ chứng kiến người sống, mỗi lần ra thăm mộ, đốt nhang vái lạy hay cúng thức ăn trước mộ bia.

Tuy nhiên về sau ở Sài Gòn nhiều mộ xây đá cẩm thạch hay đá mài có mộ bia dính liền ở đầu người chết. Riêng bình cấm nhang trong trường hợp này có khi ở đằng đầu có khi ở dưới chân người nằm trong mộ.

Ngoài mộ đắp và mồ xây ở miền Nam còn có:

3 - Tháp: là nơi chôn dành cho các bậc tu hành theo Phật giáo; trong tháp không chứa xác chết mà chỉ là nơi chứa đựng tro cốt của người quá cố sau khi hỏa táng. Tháp xây nhiều tầng theo kiểu dáng Phật giáo được xây trong khuôn viên chùa nơi người quá cố tu hành trước khi qua đời.



Nhà táng

4 - Lăng mộ: nơi yên nghỉ của những người quá cố thuộc dòng họ nổi tiếng hoặc giàu sang, điền chủ miền Nam dưới thời Pháp.

Thí dụ như Lăng Hoàng Gia được xây trên gò Sơn Quy thuộc ấp Lăng Hoàng Gia, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Khu lăng được xây dựng trong nhiều năm liền trên diện tích gần 3.000m², nằm cách thị xã Gò Công khoảng 2km và cách thành phố Mỹ Tho khoảng 30km.

Dòng họ Phạm đã sống lâu đời và nổi tiếng ở đất Gò Công. Ông Phạm Đăng Khoa là người khai hoang lập nghiệp ở xứ này. Phạm Đăng Hưng là hậu duệ đời thứ tư. Vì là ông ngoại vua Tự Đức, cha của Hoàng thái Hậu Từ Dụ, tước Đức Quốc công, nên sau khi Phạm Đăng Hưng mất (1825), triều đình nhà Nguyễn cho xây dựng tại đây nhà thờ và lăng mộ dòng họ Phạm Đăng.

5 - Khoa địa lý liên quan mồ mả

Từ ngàn xưa, khoa Địa-Lý đã cho có mối tương quan giữa địa linh và nhân kiệt, mối tương quan giữa đời sống của sinh vật giới và môi trường chung quanh; cũng như các tương tác giữa sinh vật này với sinh vật khác. Khoa Địa-Lý đã cho rằng có sự liên quan siêu vật lý giữa mồ mả tổ tiên với số mệnh của con cháu. Người bình dân cũng nói: "Không mả, con bà đũa nào làm nên!

Mồ mả không chỉ là nơi chôn cất người chết mà còn mang nhiều ý nghĩa thiêng liêng. Mồ mả trong 4 đời phải chôn kín cố định. Chọn đất, hướng. Sau đó không động mộ sẽ gây tai họa người sống, vì làm xáo trộn vong linh người âm đang yên tĩnh tu luyện ở cõi âm thì con cháu gia đình đau ốm, gặp tai nạn ...

Nền dời mộ thì phải:

- . Khẩn Thổ địa, Thần linh khu vực có mộ sắp di dời.
- . Xin phép dòng họ nhà mình cho dời mộ
- . Chọn nơi chôn mới
- . Tránh kỵ tuổi con cháu đích tôn...

Nói chung phải làm đủ thủ tục như khi chôn cất người chết.

6 - Hiện tượng Ma trơi

Tiếng miền Nam gọi là "ma trơi", miền Bắc gọi là "ma chơi".

Nguyễn Du trong "Văn chiêu hồn thập loại chúng sinh" câu:

*Lập lòe ngọn lửa ma chơi
Tiếng oan vắng vắng tối trời càng thương.*

Nguyễn Văn Thành trong "Văn tế trận vong tướng sĩ" có câu:

*Hồn chiến sĩ biết đâu miền minh mạc,
Mịt mù gió lốc thổi dấu tha hương.
Mặt chinh nhân khôn vẽ nét gian nan,
Lập lòe lửa ma chơi soi chùng cổ độ.*

Nhiều người đã nhìn thấy ma trôi và nhiều người kể chuyện ma trôi đuối. Đó là ngọn lửa lập lòe yếu nhạt, bập bùng lan toả theo chiều gió, chốc lại biến mất rồi từ chỗ cũ, chốc chốc lại lập lòe ngọn lửa xanh nhạt, loáng thoáng bay lên. Theo các cụ già giải thích thì đó là oan hồn của những người chết trận, của những nắm xương vô thừa nhận không người chôn cất, vất vưởng trên bãi chiến trường, trong bãi tha ma, hoặc trên cánh đồng hoang mông quạnh. Khoa học đã giải thích, chứng minh hiện tượng đó là do chất lân tinh (P) từ trong xương cốt người và xúc vật toả ra gặp ôxy trong khí trời bốc cháy thành ngọn lửa xanh nhạt, ban ngày cũng có nhưng không nhìn thấy.

Tuy được khoa học giải thích rõ không phải là ma trôi, nhưng canh khuya thanh vắng mà bị ma chơi đuối thì cũng mất thần mất vía.

Đọc thêm

7 - Đầu năm đi tảo mộ

Vào những ngày đầu năm mới, gia đình người Việt vẫn duy trì mỹ tục đi tảo mộ người thân, mong muốn đón nhận những điều tốt đẹp hơn trong năm mới Tết Nguyên Đán.

"Tảo mộ" nghĩa đen là "quét mộ" khác với lễ Thanh minh của người Hoa chỉ diễn ra vào tiết thanh minh khoảng tháng 3 âm lịch.

Vào những ngày cuối năm gần Tết ta các gia đình thường tụ họp ở nghĩa địa để sửa sang, quét dọn, đắp thêm hoặc quét vôi phần cửa tổ tiên và những thân quyến quá cố. Người đi đem hương hoa lễ vật và rượu bày ở mộ và cúng và rước hương hồn những người quá vãng về nhà ăn Tết cùng con cháu...

Mỗi địa phương, mỗi dòng họ, gia đình ấn định ngày "tảo mộ" khác nhau, thời điểm thường là từ mùng 10 tháng Chạp đến cuối năm. Người Việt cũng coi đây là dịp báo hiếu với tổ tiên, ông, bà, bố, mẹ, người thân, những người đã khuất trong dòng tộc, bày tỏ mong muốn đón nhận những điều tốt đẹp hơn trong một năm mới đang đến.

Dù đang làm ăn ở phương trời nào, ai cũng muốn quay về nhà ngày tảo mộ, thăm lại và chăm sóc phần mộ ông bà, sau đó rước hương hồn người quá cố về cùng ăn Tết với con cháu theo tập tục cổ truyền. Nếu vì một lý do nào đó, do cuộc sống tha hương cầu thực, con cháu cũng tìm cách gửi gắm nhờ người thân chăm lo cho phần mộ ông bà, cha mẹ. Có như thế họ mới yên lòng.

Với người dân Việt Nam, mồ mả luôn tượng trưng cho những gì thiêng liêng nhất, tồn tại từ đời này sang đời khác. Nếu bàn thờ là không gian thiêng, là nơi tổ tiên đi - về thì mồ mả là chỗ an nghỉ vĩnh hằng của người quá cố.

Việc chăm sóc ngôi mộ, giữ gìn nơi an nghỉ của tổ tiên chính là cách để con cháu bày tỏ lòng nhớ thương tới những người đã mất. Ông bà tuy đã khuất bóng nhưng hương linh vẫn luôn tồn tại trong không gian

Tập tục “tảo mộ” không chỉ đơn giản là thăm nom, sửa sang lại ngôi nhà của người đã khuất mà còn chứa đựng cả một nền văn hóa tín ngưỡng, một giá trị nhân văn, một hệ thống chuẩn mực trong gia đình, dòng tộc hay nói cách khác là một nét văn hóa của người Việt.

XV - Thờ Cúng Người Chết

Đối với người Việt Nam nói chung sự thờ cúng người chết trong gia tộc tối ư quan trọng như Phan Kế Bính đã viết “xét cái tục phụng sự tổ tiên của ta rất là thành kính”

Khi “còn sống ông bà cha mẹ là đại ân-nhân, theo phong-tục và luân lý, con cháu phải một lòng kính-dưỡng hiếu-thảo; lúc ông bà cha mẹ chết, con cháu cũng phải sung bái tỏ lòng nhớ ơn đồng thời cầu-mong tổ-tiên phò-hộ.

Phách là phần phụ vào thể xác, khi người ta chết thì tiêu xuống đất. Theo dị đoan, đàn ông có 7 phách (vía) hợp với thất khiếu (7 lỗ) trong thân thể, Đàn bà có 9 phách hợp với cửu khiếu (9 lỗ) trong người. Đàn ông và đàn bà đều có ba hồn phụ vào tam tiêu. Khi bất tỉnh thì hồn lìa khỏi thân thể trong chốc lát, khi người ta chết thì hồn lìa khỏi hân xác. Bởi vậy, phách và thể xác là phần ô trọc nên tiêu hủy đi, còn linh hồn là phần tinh anh nên vẫn còn và có đủ ý thức. Vong hồn không bị tiêu diệt nên hằng cảm thông được với kẻ sống. Vong hồn cha mẹ, tuy âm dương khác nhau, song vẫn thường dự vào cuộc sống của các cháu, của gia-đình mỗi khi có điều vui, điều buồn, điều lo sợ. Tổ tiên thường phù hộ con cháu nên đôi khi vẫn đề phòng tai ách. Linh hồn tổ tiên và cha mẹ linh thiêng nhường ấy, nên làm con cháu phải phụng thờ cha mẹ tổ tiên cho trọn đạo, phải cúng cấp cha mẹ và tổ tiên cho các người ở dưới Am-phủ không phải thiếu thốn”.

Người xưa học Nho tin rằng “sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn” là sự chết như sự sống, sự tan như sự còn, đại đa số người Việt, nhứt là trước 1954, tin rằng âm dương tuy cách biệt nhưng chốn Diêm Vương vẫn có sự sống nghĩa là cũng phải ăn uống tiêu pha ơn đền oán trả, v.v...

Tục thờ cúng người chết còn mang ý nghĩa hiếu thảo của người sống đối với thân nhân đã chết.

Từ sự tin tưởng ấy, tục thờ cúng người chết được phát sinh trong đó sự bày biện bàn thờ là điều quan trọng hơn hết.

1 - Bàn thờ người mới chết



Bàn linh tọa (ảnh chụp đang thờ)

Những người mới mất chưa được thờ chung với Gia tiên mà được lập một bàn thờ vong riêng tại gian thờ bên cạnh gian thờ gia tiên hoặc gian nhà ngang. Bàn thờ được bài trí tương đối sơ sài gồm một lư nhang, bài vị hoặc ảnh, bình bông, ba chung nước, ngọn đèn dầu hoặc đèn điện bong nhỏ.

Hằng ngày (tính từ ngày an táng xong), trước khi gia đình ăn cơm, người nhà đều thấp hương dọn mâm cơm (thường có 3 món) mời người mới mất thụ hưởng.

Người Việt Nam tin rằng lúc này linh hồn người chết còn quẩn luyến người thân, "hồn vía còn nặng" chưa thể siêu thoát được, vẫn còn luẩn quẩn xung quanh nhà. Những người sống, về tâm lý không muốn tin vào sự thật là họ vừa mới mất đi một người thân, làm vậy để dịu nỗi buồn. Có nơi chỉ cúng đến 49 ngày có nơi cúng

đến 100 ngày, xua cúng đến xả tang. Sau đó, dọn bàn thờ người mới mất, rước lư nhang lên bàn thờ Gia tiên.

Trong lễ cúng cơm hằng ngày, Gia trưởng, vợ hoặc con cháu từ 12 tuổi trở lên phụ trách. Người đứng cúng đốt nhang van vái rồi xá 3 xá và cắm nhang vào lư nhang.

Mỗi gia đình trong dòng họ có thể lập bàn thờ riêng trong nhà; có khi con cháu chưa lập gia đình nhưng có tư gia cũng có quyền lập bàn thờ riêng.

Trên bàn thờ Gia tiên, Cữu huyền thất tổ” thờ ở chính giữa. Khi nào ông bà nội ngoại hay cha mẹ qua đời sau lễ xả tang bỏ bàn thờ vong và thỉnh lư hương hình lên bàn thờ gia tiên. Theo hướng trong nhìn ra thì bên nội đặt bên phía trái và bên ngoại bên phía mặt.

Trường hợp gia đình không có bàn thờ gia tiên thì sẽ vẫn giữ bàn thờ vong lại như cũ, và vái mời tổ tiên lên bàn thờ gia tiên.

Cúng lễ người chết nói chung có thể cúng mặn hay chay. Thuở xưa khi cúng thường có các đồ lễ như: Trầu, cau, rượu, thuốc lá, giấy tiền vàng bạc, đèn, đĩa muối gạo. Có thêm 3 chung trà, 3 chung rượu, 3 chung nước để tượng trưng cho Tam tài:

Thiên: Có Nhật - Nguyệt - Tinh tú.

Địa: Có Thủy - Hỏa - Phong.

Nhân: Có Tinh - Khí - Thần.

Xưa cúng lễ phải có 9 ngọn đèn, 2 ngọn lớn đặt trước tượng trưng cho Nhật - Nguyệt, 7 ngọn để ở hàng sau tượng trưng cho Thất tinh là chòm sao bắc Đẩu, cội rễ của loài người. Trong các lần cúng có sớ để tâu trình.

Nay bàn thờ chỉ còn trưng bày cặp đèn lớn mà thôi cắm trên cặp chun đèn bằng gỗ hoặc bằng đồng.

Cúng lễ gồm có 1 mâm cơm và 1 đĩa trái cây lớn thay thế mâm ngũ quả.

2 - Bàn thờ vọng

Bàn thờ vọng là một loại bàn thờ mà người trưởng nam hay đích tôn sống xa quê lập nên nếu không về dự lễ tang cha mẹ.

Đó là trường hợp đặc biệt gọi là biệt quán, li hương của những người Đàng Ngoài vào Nam khai khẩn, cũng như những người làm quan ngày xưa xa quê không kịp về chịu tang cha mẹ.

Bàn thờ vọng đặt ở một phòng riêng biệt để tăng vẻ tôn nghiêm. Nếu không có phòng riêng thì đặt kết hợp phòng khách, hướng về quê chính để gia chủ vái lạy.

Người Việt tị nạn li hương sau khi định cư đều thiết lập bàn thờ gia tiên chánh thức để cúng bái tổ tiên ông bà nhân giỗ kỵ và quan hôn tang tế thay vì lập Bàn Thờ Vọng.

Tục lập bàn thờ vong ngày nay không còn kể cả ở trong nước.

3 - Cữu huyền thất tổ

Thuở xưa trên bàn thờ Gia tiên ngoài bình hương Ông bà còn có bình hương Cữu huyền thất tổ.

Cữu Huyền Thất Tổ ở đây là nói tắt. Đúng ra là Cữu Huyền Thất Tổ nội ngoại tôn thân - Tức là tứ thân phụ mẫu nhiều đời nhiều kiếp của cả bên nội và bên ngoại. Người Việt không chia phân biệt bàn thờ bên nội và bàn thờ bên ngoại. Bình hương thờ tất cả các Đời của 4 dòng họ nội ngoại chứ không hẳn

chỉ có 9 đời như người ta thường hiểu sai. Bình nhang Cửu Huyền Thất Tổ được đặt ở phía tay phải người đứng lễ, hay tay trái từ trong bàn thờ nhìn ra. Bên còn lại là bình hương gia tiên Ông bà cha mẹ.

4 - Cách bày trí bàn thờ

Thông thường bàn thờ thuở xưa có hai lớp:

Lớp trong là chiếc bàn thật lớn (xưa người ta dùng cái rương), cao khoảng 1m, dài 2m và rộng 1m. Bàn này chủ đích dùng bày đồ cúng, bài vị hay ảnh thờ.

Trên bàn có 2 chiếc mâm đặt phía trong. Mâm to đựng đồ cúng gọi là mâm cỗ, mâm nhỏ bày hương hoa trong ngày cúng hay giỗ.

Có một chiếc thần chủ đặt trong khám thờ kê trên chiếc bệ. Có thể thay thế bằng chiếc ngai để tổ tiên thuộc hàng cao có thể kiểm soát con cháu thờ cúng.

Trước thần chủ thường có khai hay đĩa đựng trầu cau, 3 ly nước lã, một bình hoặc nhao rượu với 4 chung nhỏ, 2 đĩa đồng hoặc sứ đặt 2 bên để chưng hoa quả, thức ăn để thờ...

Bên trong đặt bài vị nay thay thế bằng ảnh chân dung người mất được treo lên tường sau hoặc đặt trên mặt bàn thờ.

Có thể trang trí thêm đồ vật như hoành phi, câu đối... vào chính giữa bàn thờ hoặc hai bên.

Lớp ngoài gọi là Hương án.

Hương án cao nhưng bề ngang nhỏ hơn bàn lớp trong. Phía ngoài cùng chính giữa đặt bình hương lớn bằng sứ hoặc bằng đồng, trong đó có để cát hoặc tro ở bên trong để cắm nhang cây. Muốn cắm nhang khoảng (ngang vòng) thì ở giữa bình hương cắm trụ sắt hay kẽm cao để đặt khoanh nhang. Lư hương mới tạo không có tro nhiều người dùng gạo.

Hai bên bình hương có 2 chân đèn bằng gỗ hoặc bằng đồng, trên cắm đèn cầy hoặc đèn đầu đốt sang khi cúng lễ.

Phía sau có 1 lục bình to và 1 đĩa bàn để chưng trái cây (ngũ quả) theo nguyên tắc đông bình tây quả. Có thể trang trí thêm đồ vật như hoành phi, câu đối... vào chính giữa bàn thờ hoặc hai bên.

Ngày nay bàn hương án được bày trí đơn giản và đẹp hơn. Bàn hương án thay bằng tủ thờ đóng theo kiểu dáng tủ thờ Gò Công, chạm trổ công phu.

5 - Thắp hương

Dụng cụ để cắm nhang gọi là bình nhang hay bình hương.

Thuở xưa trong miền Nam gọi là vĩa hương vì được làm bằng gáo dừa như trong bài văn tế Ngĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu:

Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vĩa hương xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.

Ngày nay bình hương thường được làm bằng sành sứ hay đúc bằng đồng thau bên trong chứa tro, cát hay gạo để cắm nhang vào như ngày xưa.

Mỗi khi cúng bái phải thắp hương. Việc thắp hương trên bàn thờ bao giờ cũng phải thắp theo số lẻ: 1, 3, 5, 7, 9, 11,... mà tránh thắp số chẵn như 2, 4, 6, 8, 10,... Bởi người mình quan niệm rằng, số lẻ là âm nên nó phù hợp với tổ tiên đã mất.

Loại hương thẳng gồm 2 phần: chân hương màu hồng đỏ, phân trên làm bằng mật cưa màu vàng khi đốt cho mùi hương thơm. Còn hương vòng bao gồm nhiều vòng hương, có buộc dây, được đặt trên que sắt trong bình hương. Khi thắp hương, người ta phải để hương sao cho thật thẳng, tránh để hương bị nghiêng, méo.

Người Việt thắp hương theo số lẻ không như người Hoa thắp nguyên bó nhang rồi đi cắm khắp nơi cho đến hết thời.

Sau khi đốt nhang, xá ba xá, cắm cây thứ nhứt ngay giữa bình hương, cắm cây thứ nhì vào bên trái của chúng ta, cắm cây thứ ba về bên phải của chúng ta.

Đọc thêm

Tủ thờ Gò Công

Mỗi khi nhắc đến Gò Công ai cũng nghĩ ngay đến làng nghề đóng tủ thờ Gò Công tại ấp Ông Non, xã Tân Trung, TX. Gò Công.

Cách nay khoảng 100 năm, chiếc tủ thờ đầu tiên xuất hiện với kích thước khá nhỏ, giản đơn: 3 trụ, chân vuông, thẳng, không có chạm cấn, chỉ đánh vẹt-ni. Nhưng qua nhiều năm cải tiến kỹ thuật, đến nay đã được những người thợ tài hoa nâng lên thành 19 - 21 trụ. Tủ được dùng các loại gỗ quý như cẩm lai, gỗ mun, cẩm xe để đóng và dùng các loại vỏ trai, ốc xà cừ để cấn một cách công phu, khéo léo, tạo hình các điển tích, phong cảnh: Bát tiên, mục đồng, chăn trâu, tứ linh, tứ quý, 24 hiếu tích của đời nhà Thuần (Trung Hoa)... Nhờ sử dụng các loại nguyên liệu thiên nhiên bền chắc nên tủ Gò Công có tuổi thọ cao hơn các loại tủ khác, thời gian càng lâu màu sắc tủ thờ càng "lên nước" bóng lấp lánh trông thật đẹp mắt. Thường ở mỗi gia đình, tủ thờ được đặt uy nghiêm chính giữa nhà trước (chính đường). Trên bàn thờ có đủ các loại tượng khí cụ, đỉnh, chân nến, bình bông, đĩa ngũ quả, bộ tam sên, kỷ trà... có nhà còn giữ cả những kỷ vật của người quá cố.

Thông qua tủ thờ Gò Công chúng ta thấy được nét độc đáo, tính nhân văn của việc thờ cúng, là ý niệm liên kết cộng đồng về phương diện huyết thống tổ tiên, gia đình, dòng họ... Do vậy đã tạo nên ý thức cho con cháu vừa chịu ơn sự sinh thành, nuôi dưỡng, giáo dục vừa có trách nhiệm tôn thờ, "chăm sóc" tổ tiên, ông bà để những người đã khuất được yên vui ở thế giới bên kia và che chở cho con cháu làm những điều lành, tránh những điều ác, phát huy những truyền thống tốt đẹp vốn có của tổ tiên, ông bà để trở thành người có ích cho xã hội.

Hiện nay, tủ thờ Gò Công được mọi người biết đến bởi lẽ tủ thờ đã được công nhận thương hiệu nổi tiếng trong thời gian qua như: năm 1936 được tặng bằng khen trong Hội chợ Sài Gòn; năm 1984 tại Hội chợ Giảng Võ (Hà Nội) được tặng huy chương vàng. Đặc biệt tủ thờ còn được đặt ở những nơi trang trọng, tôn nghiêm tại đền thờ Hùng Vương (Phú Thọ), để thể hiện tấm lòng hướng về cội nguồn của dân tộc. Theo tiengiang.gov.vn

Lời kết

Lễ tang thuộc phạm trù phong tục của người Việt Nam.

Lễ tang chứa đựng những quy điều, làm khuôn thước của cả nước, tồn tại và lưu truyền trong một thời gian lâu dài, chi phối đời sống mọi người, cá nhân không theo bị xã hội chỉ trích phê phán.

Tại hải ngoại, phong tục của người Việt Nam nói chung càng ngày càng mất dấu vết, kể cả mỹ tục, bởi chúng ta ai ai cũng “tự nguyện” hội nhập vào xã hội mới, khiến tâm can những người lo toan bảo tồn văn hóa Việt bị hành hạ và xót xa !...

Thật tình mà nói có sự thiếu sót những ấn phẩm mang nội dung thể hiện về phong tục tập quán Việt Nam nói chung tại hải ngoại. Trong khi đó càng ngày càng có nhiều người Việt thuộc các thế hệ thứ hai, thứ ba ... tìm về cội nguồn bản thể và qua đó tự khẳng định mình là người Việt Nam.

Chính vì lẽ đó, chúng tôi cố gắng sưu tầm, biên soạn “*Lễ Tang, Những Điều Cần Biết Dành Cho Người Việt Hải Ngoại*.”

Ước mong sẽ đóng góp được phần nào cho những ai muốn tìm hiểu phong tục Việt trong tinh thần khẳng định nguồn gốc.

Little Saigon, mùa Trung thu 2011

GS Trần Văn Chi

Sách tham khảo:

- Trần Trọng Kim, *Việt-Nam Sử-Lược*.
- Phan Kế Bính, *Việt Nam Phong Tục*.
- Toan Ánh, *Phong Tục Việt Nam*.
- Chu Ngọc Chi, *Thọ-Mai Gia-Lễ*.
- Đào Duy Anh, *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*.
- Huỳnh Công Thạnh, *Quan Hôn Tang Tế*, in ronéo.
- Lê Văn Hảo, *Mấy Nét Độc-Đáo Phong-Tục Việt-Nam*.
- Lê Văn Siêu, *Nền Văn-Minh Việt-Nam*.
- Phong Tục Miền Nam, Vương Đăng.
- Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia.